

MÃ SỐ: TPE - 06 - 12

516-2006/CXB/31-79/NXBTP

GIANG QUÂN (Biên dịch)

HIỆU QUẢ TRÊN THẾ GIỚI

*Phương pháp giáo dục đặc thù
của Montessori*

**NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP
HÀ NỘI - 2006**

LỜI GIỚI THIỆU

Ai làm cha làm mẹ mà không mong muốn giáo dục con cái của mình thành người, giỏi giang và thành đạt. Đó luôn luôn là nguyện vọng chính đáng của các bậc phụ huynh trong mọi thời đại. Thế nhưng, không phải ai cũng thực hiện được mong ước đó. Có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng là: không phải ai sinh ra cũng đã là một nhà giáo dục.

Muốn nuôi dưỡng và phát huy được tài năng của con trẻ một cách đúng đắn, cha mẹ cần phải dành công sức, tâm huyết nuôi dạy con cái và hơn nữa, phải có phương pháp giáo dục đúng đắn.

Ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội, cuộc sống của các bậc cha mẹ ngày càng trở nên bận rộn, vì thế, thời gian của cha mẹ dành cho con cái ngày một ít đi, điều đó ảnh hưởng không ít đến việc giáo dục con trẻ trong các gia đình hiện đại.

Với mong muốn giúp các bậc cha mẹ có thêm những phương pháp giáo dục con trẻ tiến bộ, hiệu quả, Nhà xuất bản Tư pháp trân trọng gửi đến các bậc phụ huynh cuốn sách nhỏ: *"Những phương pháp giáo dục*

hiệu quả trên thế giới". Cuốn sách được chia thành 5 tập giới thiệu về 5 phương pháp giáo dục của các nhà giáo dục có tên tuổi trên thế giới, bao gồm: phương pháp giáo dục toàn năng, phương pháp giáo dục thiên tài, phương pháp giáo dục đặc thù, phương pháp giáo dục thực tiễn...

Hy vọng đây sẽ là món quà có ý nghĩa với các bậc cha mẹ và những người làm công tác giáo dục.

Và các em học sinh, các em cũng nên đọc cuốn sách này. Bởi vì tốt hơn là tự mình biết và làm những điều nên biết, nên làm mà không đợi cha mẹ, thầy cô chỉ bảo.

Hà Nội, tháng 9 năm 2006

Nhà xuất bản Tư pháp

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	5
Đôi nét về Montessori	9
Phương pháp giáo dục đặc thù của Montessori	19
Sáng lập “ngôi nhà tuổi thơ”	25
Từ 0 đến 3 tuổi: thời kỳ giáo dục lý tưởng	31
Trẻ em thích “làm việc” thậm chí hơn cả vui chơi	39
Thiết kế giáo cụ phù hợp	47
Lấy trẻ em làm trung tâm	57
Môi trường mang tính chuẩn bị	65
“Môi trường” quan trọng hơn “di truyền”	71
Rèn luyện cảm quan	77
Luyện tập khả năng đọc, viết và làm toán	81
Thông qua “làm việc - vận động” hình thành khả năng phối hợp hài hoà	85
Hãy để trẻ tự làm	93

Học tập nhờ động lực hấp thụ của tâm lý, trí tuệ	97
Thời kỳ mãn cảm của con trẻ	103
“Tự do” là tiền đề của “kỷ luật”	109
Những phẩm chất cần thiết của giáo viên	115
Biện pháp thưởng phạt không có tác dụng giáo dục	123

aria Montessori sinh năm 1870 tại Chiaravalle vùng Ancona nước Ý. Gia đình bên nội vốn thuộc dòng dõi quý tộc. Bố bà là một người mực thước và thậm chí có phần bảo thủ. Mẹ của Montessori là người được học hành tử tế. Bà không chỉ có vốn kiến thức phong phú mà còn là một phụ nữ dám dưng. Montessori là con một và cũng vì thế từ nhỏ, bà luôn nhận được sự thương yêu, nâng niu từ giáo dục gia đình.

Khi Montessori năm tuổi, do công việc của bố nên cả nhà phải chuyển tới Rome. Chính từ đây, Montessori đã bắt đầu sự nghiệp học hành của mình. Mười ba tuổi, Montessori quyết định vào học trường Khoa học công nghệ (thời bấy giờ rất ít học sinh nữ theo học những trường như thế này). Bà bắt đầu say mê toán học và đây là bước chuẩn bị quan trọng cho phát triển chuyên môn "*tâm lý toán học*". Montessori tự nhận xét, chính những ngày tháng say mê toán học trong trường Khoa học công nghệ đã bồi dưỡng tư duy trừu tượng cho bà trên bước đường hoạt động khoa học sau này.

Năm hai mươi tuổi, Montessori tốt nghiệp trường Khoa học công nghệ. Kiên quyết phản đối ý kiến của bố muốn để bà theo nghề giáo viên, Montessori nộp

đơn vào Học viện Y khoa - nơi bà có thể thực hiện mơ ước của mình là học tập và nghiên cứu sinh vật học. Thời bấy giờ, xã hội còn khá nhiều thành kiến, người ta chưa từng gặp tiền lệ nào về việc nữ giới được theo học trường y. Sau hai năm với nhiều nỗ lực cố gắng, cuối cùng Montessori được chấp nhận vào học Học viện Y khoa. Vấp phải sự phản đối quyết liệt của bố, từ đây bà bị cắt mọi khoản viện trợ từ gia đình và phải bắt đầu cuộc sống tự lập. Trong những năm theo học Học viện Y khoa, Montessori sống dựa vào học bổng và tiền kiếm được từ việc đi làm gia sư. Đó là những năm tháng chật vật nhưng vô cùng quan trọng trong cuộc đời và sự nghiệp của Maria Montessori.

Montessori tốt nghiệp Học viện Y khoa năm 26 tuổi với hành tích vô cùng xuất sắc. Bà trở thành người phụ nữ đầu tiên nhận được tấm bằng Đại học Y khoa ở nước Ý. Thế nhưng, trong một xã hội còn nhiều bảo thủ khi ấy, dù đã đạt được thành tích xuất sắc với những cố gắng phi thường, Montessori cũng chỉ được đảm nhận việc trợ lý bác sĩ trong phòng chẩn đoán các bệnh tâm thần thuộc trường Đại học Rome.

Dù sao đối với Montessori, đây cũng là một cơ hội tốt để cô làm việc với thực tế. Tại đây, Montessori đã tiếp cận với nhiều trẻ em bị chứng dần độn (thời bấy giờ, trẻ em bị chứng dần độn và những bệnh nhân bị điếc được điều trị cùng một nơi). Tận mắt chứng kiến

những bất hạnh và đau khổ của trẻ em mắc chứng dần độn, Montessori đã chuyển dần sang tìm hiểu, nghiên cứu cách trị liệu và những phương pháp giáo dục dành riêng cho đối tượng đặc biệt này.

Montessori bắt đầu từ việc đọc các tác phẩm của nhà giáo dục, nhà tâm lý học người Pháp Jean Marc Gaspard Itard và bác sĩ, nhà tâm lý học người Mỹ gốc Pháp Edouard Séguin. Đây là những nhân vật đã có nhiều thành tựu trong lĩnh vực nghiên cứu phương pháp giáo dục cho các đối tượng đặc biệt. Sau đó, Montessori đã tranh thủ thời gian đi Paris và London để được đích thân thăm quan các mô hình giáo dục cho trẻ em kém phát triển năng lực trí tuệ.

Trong hai năm làm việc tại phòng chẩn đoán các bệnh tâm thần, Montessori quan sát được một thực tế là:

“Những trẻ em kém phát triển năng lực trí tuệ, ngoài việc ăn uống, thường chạy lung tung trong phòng, hai tay khua khoắng để tìm và bấu víu vào các đồ vật chúng gặp được. Điều này có nghĩa là chúng vẫn có năng lực cầm nắm đồ vật và có nhu cầu được rèn luyện năng lực này”.

Thực tế đó là điểm khởi đầu của một lý luận quan trọng trong phương pháp giáo dục của Montessori sẽ được thiết lập đầy đủ sau này, đó là *“hoàn toàn có thể phát triển trí tuệ của trẻ thông qua việc rèn luyện đôi tay của chúng”.*

Cũng từ thực tế của hai năm làm việc này, Montessori nhận thấy:

“Muốn khắc phục sự khiếm khuyết trong phát triển trí tuệ của những đứa trẻ này, liệu pháp quan trọng nhất là giáo dục mà không đơn thuần chỉ có thể dựa vào điều trị thuốc thang”.

Đây thực sự là một đột phá so với những quan niệm phổ biến thời đó về điều trị chứng đần độn ở trẻ em.

Năm 1898, Montessori có bài phát biểu tại Hội nghị giáo dục Turin - nước Ý, trong đó trình bày những tư tưởng khá mới mẻ và độc đáo:

“Những trẻ em thiếu hụt sự phát triển năng lực trí tuệ - căn bệnh liên quan tới tâm thần này chủ yếu là vấn đề của giáo dục, mà không phải là vấn đề của y học. Phương pháp trị liệu bằng giáo dục chắc chắn có hiệu quả hơn nhiều lần so với y học”.

Ngay lập tức, quan điểm của Montessori đã tạo nên chấn động mạnh đối với giới y học và cả với các nhà giáo dục học. Không lâu sau đó, Bộ Giáo dục nước Ý quyết định cử Montessori làm Hiệu trưởng trường “trẻ em đặc biệt” (tức là trường học dành cho những trẻ em mắc chứng đần độn hay kém phát triển năng lực trí tuệ) Ngay sau khi nhậm chức, Montessori đã dồn mọi tâm huyết và sức lực để dạy dỗ cho các học sinh của trường “trẻ em đặc biệt”.

Sau này, Montessori từng nói:

“Đối với tôi, chỉ đến khi trực tiếp dạy dỗ các em trong trường trẻ em đặc biệt mới là lúc tôi đích thực nhận được danh hiệu “nhà giáo dục học”.

Trong thời gian làm việc tại trường *“trẻ em đặc biệt”*, Montessori đã lần đầu tiên áp dụng thực tế các phương pháp giáo dục của mình, những phương pháp giáo dục được xây dựng và phát triển trên cơ sở các luận điểm khoa học của bác sĩ Séguin và những nghiên cứu thực nghiệm của nhà tâm lý học Itard. Ngoài ra, Montessori cũng bước đầu xây dựng được *“phương pháp quan sát đặc thù”* nhằm mục đích thông qua quan sát để nắm bắt các nhu cầu của trẻ kém phát triển năng lực trí tuệ, từ đó có những hỗ trợ tích cực cho việc phát triển trí tuệ của các em.

Để thực hiện phương pháp giáo dục với hiệu quả cao, trên cơ sở thực tế, Montessori đã sáng tạo nhiều loại giáo cụ đặc biệt, trong đó nguyên tắc cơ bản là sử dụng các giáo cụ này để giúp đỡ các em phát triển trí tuệ theo con đường *“tay - não cùng hoạt động”*.

Hàng ngày từ 8 giờ sáng đến 7 giờ tối, Montessori luôn ở cùng với những học sinh đặc biệt của mình, chăm sóc, quan sát và tìm hiểu đời sống của các em. Tất cả mọi thông tin Montessori thu nhận đều được ghi chép lại và tiến hành phân tích, so sánh. Đây là những

điều rất hữu ích để Montessori ngày càng hoàn thiện phương pháp giáo dục của mình.

Sau hai năm kiên trì và nỗ lực, những học sinh của Montessori đã làm được nhiều điều mà bản thân bà cũng cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Bọn trẻ không những biết đọc, biết viết mà còn vượt được qua kỳ thi dành cho những học sinh bình thường.

Tuy thành công bước đầu nhưng Montessori không dừng dước. Bà tiếp tục nghiên cứu và suy nghĩ: nếu như những đứa trẻ khiếm khuyết năng lực phát triển trí tuệ có thể nhờ vào giáo dục để đạt được trình độ của những đứa trẻ bình thường thì tại sao những đứa trẻ bình thường lại không thể có sự phát triển trí tuệ tốt hơn?

Montessori cho rằng giáo dục đương nhiên có khả năng tái tạo sự phát triển trí tuệ của con người (quan niệm phổ biến đương thời cho rằng yếu tố quyết định sự phát triển trí tuệ của con người là di truyền). Nhờ sự tác động hợp lý và hiệu quả của giáo dục, những đứa trẻ kém phát triển trí tuệ đã đạt tới năng lực trí tuệ của trẻ em bình thường. Như vậy là hầu hết trẻ em bình thường sở dĩ chỉ đạt đến năng lực trí tuệ như vậy, nếu không phải do bị hạn chế thì cũng đang gánh chịu những chế độ giáo dục chưa đúng đắn. Chúng ta không thể xen nhẹ vấn đề này, và ngược lại, cần phải nghiên cứu, tìm hiểu và giải quyết bằng được tình trạng nêu trên. Trẻ em là tương lai của đất nước, là tương lai của

nhân loại. Không quan tâm một cách chủ động, có ý thức tới vấn đề bồi dưỡng, phát triển trí tuệ của trẻ nhỏ là một hành vi thiếu trách nhiệm.

Từ những suy nghĩ và tâm huyết đó, Montessori quyết tâm nghiên cứu, xây dựng và thực hiện phương pháp giáo dục của mình đến cả những trẻ em bình thường.

Năm 1901, Montessori thôi làm Hiệu trưởng ở trường "*trẻ em đặc biệt*". Bà quay lại Đại học Rome để tiếp tục học tập, bà tham gia học nhiều chuyên ngành như sinh vật học, tâm lý học thực nghiệm, giáo dục học, nhân loại học giáo dục... Montessori từng bước tiếp cận bản chất của các nguyên tắc trưởng thành tự nhiên của con người, từ đó tìm tòi các lý luận và phương pháp mới cho giáo dục học của bản thân.

Trải qua sáu, bảy năm gian khổ và kiên trì học tập, nghiên cứu, Montessori đã xây dựng được bước đầu các luận điểm tư tưởng nền tảng cho các phương pháp giáo dục của mình. Điều mà Montessori cần thiết lúc này là cơ hội thực nghiệm. Năm 1906, cơ hội đã đến với Montessori. Dưới sự giúp đỡ của Hội kiến trúc thành phố Rome, ngày 06 tháng 01 năm 1907, "*ngôi nhà tuổi thơ Montessori*" đầu tiên được dựng lên tại một khu phố cũ nát của Rome. Đây là nơi tập trung những trẻ em lang thang, những trẻ em nghèo chưa từng có điều kiện được học hành. "*Ngôi nhà tuổi thơ*" sẽ mang lại cho các em "*cơ hội phát triển trí tuệ*", đó là "*những trường học trong gia*

đình". Các em được dạy dỗ cách đối xử với bè bạn như những người thân yêu trong gia đình, những người chăm sóc các em đồng thời là những người luôn luôn gắng sức tạo điều kiện cho các em phát triển trí tuệ, nâng cao tư duy. Ba tháng sau, với mô hình này, "ngôi nhà tuổi thơ" thứ hai của Montessori cũng được thành lập.

Trong "ngôi nhà tuổi thơ", phương pháp giáo dục mới mẻ của Montessori đã được áp dụng để dạy dỗ 60 em bé trong độ tuổi từ ba đến năm tuổi. Kết quả thu được thành công ngoài sức tưởng tượng của Montessori. Sau sự kiện này, mô hình "ngôi nhà tuổi thơ Montessori" trở nên nổi tiếng, không chỉ được báo, đài, dư luận hết sức quan tâm mà nhiều nước châu Âu khác cũng học tập phương pháp giáo dục tiên bộ và hiệu quả này.

Trong khoảng thời gian từ năm 1912 đến năm 1915, Montessori có hai lần tới thăm Mỹ. Trong cuộc Liên hoan giáo dục ở San Francisco, phương pháp giáo dục của bà đã giành được hai giải vàng. Năm 1913, Hiệp hội giáo dục Montessori tại Mỹ được thành lập. Hiệp hội mang tên Montessori đã triển khai phương pháp giáo dục tiên tiến của bà ở hơn 200 trường học trên toàn nước Mỹ.

Năm 1934, nhà cầm quyền Ý - Mussolini⁽¹⁾ ra lệnh đóng

⁽¹⁾ Beo Musolini (1883 - 1945): Kẻ lập ra Chủ nghĩa phát xít, tên độc tài, tội phạm của Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

cửa tất cả các trường học Montessori, cấm lưu hành các tác phẩm của Montessori. Bản thân Montessori bị trục xuất khỏi quê hương nước Ý và phải tới sống lưu vong ở Tây Ban Nha. Khi Tây Ban Nha xảy ra nội chiến, bà rời sang Anh. Sau đó, bà còn đến nhiều nước khác như Hà Lan, Ấn Độ... Ở mọi nơi đi qua, bà đều tranh thủ cơ hội và thời gian để phổ biến, phát triển các phương pháp giáo dục của mình. Năm 1947, khi Thế chiến thứ hai chấm dứt, Chính phủ Ý mới chính thức đón bà về nước và cho phục hồi tất cả các trường học Montessori.

Sau Thế chiến thứ hai, Montessori đã bước sang những năm tháng cuối đời. Thế nhưng, bà vẫn không một phút ngơi nghỉ để cống hiến cho sự nghiệp giáo dục nhân loại. Kiên trì đến các trường học để chỉ dẫn về phương pháp, cách thức dạy dỗ trẻ em, bà cũng tuyên truyền cho tư tưởng đem giáo dục hướng vào cải tạo thế giới, thúc đẩy hoà bình thế giới.

Ngày 06 tháng 5 năm 1952, Montessori qua đời ở Hà Lan, khi đó bà tám mươi hai tuổi.

Maria Montessori xứng đáng là một nhà khoa học xuất sắc, một nhà giáo dục vĩ đại, một con người đã trọn cuộc đời cống hiến cho trẻ thơ, cho sự phục hưng của tinh thần nhân loại.

Trong những năm tháng miệt mài với thực tiễn giáo dục, Montessori đã không ngừng hoàn thiện các lý thuyết giáo dục nhằm vào đối tượng là trẻ em, bao gồm cả các em kém phát triển năng lực trí tuệ và các em có năng lực trí tuệ phát triển bình thường. Năm 1909, cùng với sự động viên, khích lệ của bạn bè, đồng nghiệp, Montessori đã hoàn thành cuốn sách *Phương pháp giáo dục khoa học đối với trẻ em trong gia đình* hay còn gọi là *Phương pháp giáo dục Montessori*. Đây là những đúc kết quý báu về phương pháp luận cũng như thực tiễn giáo dục trẻ em mà Montessori đã thu nhận trong thời gian 1907 - 1909 làm việc với những "ngôi nhà tuổi thơ". Ngay sau khi được xuất bản, cuốn sách đã có tiếng vang và được chuyển dịch sang hơn 20 thứ tiếng khác trên toàn thế giới.

Bị thuyết phục bởi những tư tưởng và luận điểm trình bày trong *Phương pháp giáo dục Montessori*, nhiều nhân sĩ, học giả từ khắp nơi đã tìm đến Rome để trực tiếp tham quan "ngôi nhà tuổi thơ Montessori". Đáp ứng sự mong mỏi của giới giáo dục học, sau năm 1919, Montessori đã đứng ra mở nhiều lớp bồi dưỡng, huấn luyện, mục đích nhằm truyền bá các tư tưởng giáo dục của bà và giúp đỡ các học viên thành thạo kỹ năng tổ

chức giáo dục theo phương pháp này.

Năm 1912, Montessori cho ra đời tác phẩm *Phương pháp giáo dục cao cấp Montessori*. Năm 1919, cuốn sách được dịch sang tiếng Anh và lần đầu tiên ra mắt công chúng London. Có thể coi *Phương pháp giáo dục cao cấp Montessori* chính là phần tiếp nối của *Phương pháp giáo dục khoa học đối với trẻ em trong gia đình*. Cuốn sách gồm hai tập, là một chuyên đề về lý luận và phương pháp giáo dục trẻ em độ tuổi từ bảy đến mười một tuổi:

- Tập một mang tên: "*Tự do vận động trong giáo dục*" trình bày luận điểm phải luôn luôn tạo điều kiện và cơ hội trẻ tự do vận động, hướng dẫn trẻ đi vào môi trường giáo dục lành mạnh, trong đó trẻ độc lập suy nghĩ và hành động, được phát triển tối đa năng lực tư duy, sáng tạo, tình cảm, ý chí và đạo đức, mục tiêu là bồi dưỡng cho trẻ tinh thần chủ động và tự chủ ở mọi hoàn cảnh trong cuộc sống.

- Tập hai mang tên: "*Những giáo cụ sơ đẳng của Montessori*" bàn về vấn đề sử dụng các giáo cụ để giúp đỡ trẻ phát triển tối ưu năng lực trong các môn học tập đọc, ngữ pháp, số học, hình học, âm nhạc, thi ca, mỹ thuật... thúc đẩy sự phát triển của trẻ theo hướng toàn diện ở bậc học sơ đẳng (hay cũng gọi là bậc học tiểu học).

Năm 1914, Montessori viết xong cuốn *Sổ tay giáo dục Montessori*. Sở dĩ bà viết cuốn sách này là vì yêu

cầu thiết tha của các nhà giáo dục, giáo viên và các phụ huynh học sinh ở Mỹ. Cuốn sách không chỉ mang tính chất chỉ đạo về phương pháp luận giáo dục học mà còn rất thiết thực trong việc hướng dẫn giáo viên và phụ huynh học sinh cách tổ chức thiết kế nhiều công cụ dạy học bổ ích cho con em mình.

Ngoài những tác phẩm kể trên, Montessori còn viết khá nhiều sách khác như *Nhân loại học giáo dục* (1908), *Bí mật con trẻ* (1933), *Giáo dục trong thế giới mới* (1946), *Sự phát triển của trẻ em* (1948)...

Người ta nói rằng, lịch sử giáo dục đã rất lâu mới được chứng kiến sự có mặt của một chuyên gia nghiên cứu về trẻ em ở độ tuổi nhỏ. Chính Montessori đã khám phá "*thế giới đầy bí ẩn của trẻ thơ*". Giáo dục trẻ em ngay trong giai đoạn đầu đời đã trở thành hiện thực từ những việc làm và cống hiến vĩ đại của Montessori. Thông qua các hoạt động và hệ thống trước tác, tư tưởng lý luận giáo dục của Montessori thể hiện những điểm chủ yếu sau:

1. "*Làm việc*" là biểu hiện của nhân tính, cũng là đặc trưng của nhân tính, con người và chỉ con người mới mang đầy đủ đặc trưng "*có năng lực sáng tạo sinh mệnh*".

2. Trẻ em thích được "*làm việc*" hơn vui chơi.

3. "*Độc lập*" là mục tiêu chủ yếu của quá trình trẻ nhỏ lớn lên, đồng thời cũng là điều kiện tất yếu để trẻ

trưởng thành. Trẻ con luôn mong mỏi được vùng vẫy khỏi sự bao bọc, kiểm soát của người lớn. Được tự chủ với "sinh mệnh" của mình, trẻ sẽ trưởng thành và có những nhân cách mạnh mẽ, vững chãi.

4. Khi trẻ tự do chọn lựa tìm hiểu những điều chúng muốn, những vật chúng thích, trẻ sẽ có hứng thú học tập và hình thành ý thức tự giác học tập. Bởi vì chỉ có sự lựa chọn một cách tự chủ mới là hứng thú thực sự, là nhu cầu nội tại của trẻ đối với việc tìm hiểu, học hỏi tri thức.

5. Sự lớn lên của trẻ nhỏ là có quy luật. Quy luật này hình thành ngay từ khi trẻ chào đời. Trong quy luật về sự phát triển của trẻ, điểm đáng chú ý là trẻ luôn có các "rhu cầu nội tại" - là cái sẽ thúc đẩy trẻ chủ động tiếp xúc với môi trường bên ngoài nhằm thoả mãn các mục tiêu của việc trưởng thành.

6. "Luôn luôn thích ứng hoàn cảnh" là nguyên nhân của sự phát triển năng lực trí tuệ của trẻ.

7. Trong quá trình phát triển năng lực trí tuệ, "những thời kỳ nhạy cảm" của các giác quan sẽ xuất hiện. Khi thời kỳ nhạy cảm của giác quan biểu hiện mạnh mẽ nhất, nếu có tác động kịp thời thì năng lực trí tuệ sẽ đạt được tiến bộ vượt bậc. Nhưng thời kỳ nhạy cảm giác quan tùy thuộc vào từng cá thể, không có biện pháp để kéo dài hoặc rút ngắn, đẩy nhanh hoặc trì

hoãn thời điểm xuất hiện. Vì vậy, giáo dục trẻ em những năm tháng đầu đời đặc biệt cần chú ý tới đặc điểm riêng khác của từng đối tượng em nhỏ.

8. Nói và đọc đều là những hành vi mang tính tự phát và có quy luật phát triển nhất định. Còn khả năng viết chữ của trẻ thực chất lại phát triển sớm hơn khả năng đọc hiểu.

9. Thưởng phạt không có tác dụng đối với việc học hành của trẻ, thậm chí còn gây tác hại.

Xuyên suốt các quan điểm giáo dục trên, theo Montessori, điều quan trọng là nhằm mục tiêu hướng mọi hành vi, suy nghĩ của con trẻ phát triển lành mạnh, làm cho giáo dục thể hiện được tính chất toàn diện; từ đó sẽ thay đổi về cơ bản những khuyết điểm của trẻ em như không vâng lời, ích kỷ, hay tranh cãi, tham lam, nói dối, tâm thần không ổn định, hoang tưởng..., các em sẽ được phát triển năng lực tự kiểm soát bản thân, xây dựng lòng tự tin, tính thận trọng, thành thực, tự nguyện không sa vào những hành vi xấu xa. Đây chính là tư tưởng giáo dục cơ bản nhất của Montessori, là hạt nhân cốt lõi của *Phương pháp giáo dục Montessori*.

ó thể nói, phương pháp giáo dục trẻ nhỏ Montessori là thành tựu của nhiều năm tìm tòi nghiên cứu, phát hiện và thực nghiệm; thêm vào đó là nhân tố tinh hoa trí tuệ cùng với tấm lòng giàu tình nhân ái của Maria Montessori để hình thành nên.

Từ năm 36 tuổi, Montessori sáng lập ngôi nhà tuổi thơ đầu tiên. Tính cho đến năm qua đời ở tuổi 82, bà đã dành trọn thời gian, tâm sức cho nghiên cứu và thực nghiệm các phương pháp khoa học giáo dục. Montessori đã đưa tới cho trẻ em môi trường sư phạm hiệu quả với phương pháp giáo dục tiên tiến, trên cơ sở đó các em được phát triển lành mạnh và có định hướng, được tạo điều kiện bộc lộ năng lực một cách tự nhiên. Đưa lý thuyết vào thực nghiệm, từ thực nghiệm để tìm tòi những hiện tượng mới làm cơ sở nghiên cứu cho lý thuyết mới - đó là con đường Montessori thực hiện để xây dựng các phương pháp giáo dục ưu việt. Những "*ngôi nhà tuổi thơ Montessori*" thật sự trở thành cơ hội tuyệt vời để bà thực nghiệm và hoàn thiện lý luận giáo dục của mình.

Nhắc tới sự hình thành của những "*ngôi nhà tuổi thơ Montessori*", đó có thể là câu chuyện ít nhiều mang

màu sắc kỳ diệu mà chúng tôi thấy cần kể ra đây đôi dòng. Khi ấy, nép ở góc thành phố Rome có một khu phố tồi tàn, nơi tụ tập của những người nghèo khổ, phần lớn không nghề nghiệp, cũng là nơi rình rập của cái đói, bệnh tật, lạc hậu và tội phạm.

Nguyên nhân dẫn đến hình thành một tụ điểm như thế có thể quy cho sự chênh lệch quá lớn về giàu nghèo trong xã hội; nhưng một cách cụ thể và trước tiên hơn là phải nhìn nhận đến vấn đề của bản thân khu phố. Hiệp hội bất động sản Rome muốn cứu vãn sự suy thoái ngày càng tồi tệ của khu phố đã đứng ra đề xuất một kế hoạch cải tạo nhà ở. Sau đó, họ dựng lên ở đây một khu nhà mới khang trang, vệ sinh, đủ tiêu chuẩn thay thế cho quang cảnh nghèo nàn, lạc hậu trước kia. Thế nhưng, vấn đề cũ vừa được giải quyết thì vấn đề mới đã xuất hiện. Hằng ngày, khi các ông bố bà mẹ trong các gia đình ở đây ra ngoài đi làm, khu nhà tương đối khép kín này trở thành thế giới riêng của bọn trẻ. Không có người quan tâm chăm sóc, bọn trẻ tự nô đùa, chúng có thể vẽ loạn lên các bức tường hoặc đập phá các công trình công cộng. Kết quả là Hiệp hội bất động sản - những người chủ quản của khu nhà mới phải thực thi biện pháp phạt tiền đối với các hành vi phá hoại này.

Đứng trước vấn đề nan giải đó, một người phụ trách trong Hiệp hội bất động sản khi tình cờ đọc được các chuyên luận giáo dục của Montessori đã nảy ý

định nhờ đến sự giúp đỡ của bà. Hiệp hội đã đích thân đứng ra mời Montessori giúp đỡ, đồng thời thu xếp riêng một phòng lớn để bà làm việc - nơi này được gọi là “ngôi nhà tuổi thơ”.

Đối với Montessori, sự ra đời của “ngôi nhà tuổi thơ” có một ý nghĩa đặc biệt. Bởi vì trước khi ngôi nhà tuổi thơ đầu tiên xuất hiện, bà đã có nhiều năm miệt mài nghiên cứu và xây dựng các cơ sở lý luận giáo dục của mình. Thế nhưng, lý luận này vẫn chưa có cơ hội thực nghiệm. Ngôi nhà tuổi thơ chính là cơ hội thực nghiệm tuyệt vời của Montessori. Lần đầu tiên, phương pháp giáo dục Montessori được vận dụng cho các đối tượng là trẻ em bình thường (trước đó, giáo dục học của Montessori mới dừng lại ở các đối tượng là trẻ em kém phát triển năng lực trí tuệ).

Kinh phí để xây dựng “ngôi nhà tuổi thơ” không có nhiều. Montessori phải căn cơ trên nguồn kinh phí ít ỏi để đặt mua một số bàn ghế. Sau đó, bà đích thân soạn một bộ giáo trình riêng, tất nhiên là khác với bộ giáo trình bà từng viết cho các trẻ kém phát triển năng lực trí tuệ. Với cơ sở vật chất đơn sơ ban đầu như thế, ngày 06 tháng 01 năm 1907, “ngôi nhà tuổi thơ” chính thức được thành lập tại khu phố nghèo nàn trước đây ở góc thành phố Rome.

“Ngôi nhà tuổi thơ” không chỉ đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của

Montessori mà nó còn mang ý nghĩa xã hội rộng lớn. Đây là mô hình nhà trường và gia đình kết hợp chi kinh phí hoạt động, nói một cách đơn giản hơn thì học phí của các học sinh được trả bằng việc bố mẹ chúng cho thuê nhà làm phòng học. Điều này vô hình trung đã khiến cho trường học trở thành một phần trong gia đình, gia đình và nhà trường trở nên gắn gũi trên mục tiêu và lý tưởng giáo dục. Gia đình có ý thức và thái độ hợp tác hơn với giáo dục nhà trường và nhà trường cũng liên hệ gắn bó hơn với giáo dục gia đình. Đây là điểm khác biệt và cũng là một trong các nguyên nhân thành công của mô hình *"ngôi nhà tuổi thơ Montessori"*.

Với mô hình như vậy, khi *"ngôi nhà tuổi thơ"* ra đời, nó đã góp phần quan trọng giải quyết những khó khăn từ vấn đề gia đình đang ngày càng xã hội hoá. Vì lý do kinh tế, nhiều người phụ nữ không thể chỉ ở nhà với công việc nội trợ, họ cần đi làm và kiếm sống. Khi đó, *"trông nom con cái"* trở thành một vấn đề lớn cho các bà mẹ. Sự xuất hiện của những *"ngôi nhà tuổi thơ"* đã giúp đỡ rất nhiều bà mẹ có thể yên tâm về con cái của mình để tham gia các công tác xã hội.

Nói về phương pháp giáo dục được thực hiện trong *"ngôi nhà tuổi thơ"*, Montessori cho biết, để có thể giúp trẻ phát triển toàn diện về cả thể lực và trí lực, ngoài việc chú ý đến phương diện sinh lý, những người làm

công tác giáo dục không thể xem nhẹ sự khác biệt cá tính ở mỗi đứa trẻ. Phải đứng ở quan điểm này, chúng ta mới có thể tiến hành dạy dỗ trẻ một cách đúng đắn nhất. Chúng ta sẽ hướng dẫn trẻ phát triển ngôn ngữ, rèn luyện cho trẻ tập làm những công việc đơn giản hằng ngày và tạo lập nếp sống lễ phép, lịch sự. Tất cả những điều này sẽ thực hiện rất hiệu quả trong các lớp học được thiết kế theo *"kiểu gia đình"*. Hơn nữa, trong môi trường gia đình đặc biệt này, *"bố mẹ ở trường"* của các em cũng có nhiều thuận lợi hơn khi tìm kiếm các công cụ dạy học hỗ trợ cho bài giảng của mình.

Phương pháp giáo dục khoa học cũng như những thực nghiệm hiện nhiên từ *"ngôi nhà tuổi thơ Montessori"* đã một lần nữa khẳng định cống hiến của Montessori đối với sự nghiệp giáo dục của nhân loại. *"Ngôi nhà tuổi thơ"*, những hoạt động và thành công của nó không chỉ thu hút giới báo chí và dư luận một thời. Điều quan trọng là phương pháp giáo dục và mô hình *"ngôi nhà tuổi thơ Montessori"* đã được nhiều phụ huynh, những người làm công tác giáo dục và nhiều nhà giáo dục học từ các quốc gia khác nhau trên toàn thế giới công nhận và học tập. Không ít người đã cất công đến tận Rome để được tham gia khoá tập huấn về phương pháp giáo dục của Montessori, khi trở về, chính họ cũng đã tổ chức thành công các trường học theo mô hình và phương pháp giáo dục tuyệt vời này.

ác chuyên gia sinh lý học nghiên cứu về bộ não của con người cho biết não bộ của con người có khoảng hơn 16 tỷ tế bào não. Số lượng tế bào não này ổn định ngay từ khi chào đời và không tăng thêm trong suốt cuộc đời chúng ta. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là mỗi con người khi sinh ra đã được quy định là có phẩm chất thông minh hay ngu ngốc. Sự phát triển cao hay thấp của trí lực không hoàn toàn và cũng không quyết định bởi tính chất "di truyền". Thực tế là con người ta sau khi được sinh ra, tuy các tế bào não không gia tăng nhưng trong những năm đầu, trọng lượng, thể tích của não bộ cũng như sự giúp sức của máu, mạch máu với não vẫn tiếp tục phát triển và hoàn thiện. Dưới sự tác động của ngoại giới, giữa các tế bào nảy sinh tương tác để dần trưởng thành và phân hoá thành các sợi thần kinh, chuẩn bị điều kiện cho những tiếp thu phức tạp khác của não sau này.

Chúng ta từng biết những người theo chủ nghĩa tân Darwin chủ trương mọi ảnh hưởng sau thời điểm chào đời đối với con người chúng ta đều không có tác động. Sự phát triển của thai nhi giống như các loài sinh vật khác là đi theo mô thức tiến hoá dần dần, sự khác

biệt cao thấp ở trình độ trí lực là do yếu tố di truyền mang lại.

Mặt khác, chúng ta thừa nhận rằng các động vật ở bậc càng thấp thì vòng đời càng ngắn, tức là thời kỳ thành thục càng đến sớm, vì thế tất yếu não bộ của chúng cũng kém được kích thích, tiếp thu và hình thành nên dạng "*não bộ giản đơn*". Thế nhưng, con người đứng ở bậc phát triển cao trong giới sinh vật, sự phát triển của não bộ con người không thể nói là đơn giản. Trẻ sơ sinh chưa phát triển thành thục ở rất nhiều phương diện và những phương diện này sẽ thành thục theo tuổi lớn lên của các em. Thu nhận nhiều tác động kích thích khác nhau của đời sống, theo thời gian, "*mạng lưới*" não bộ dần phức tạp hoá và phong phú hoá. Những yếu tố di truyền của thế hệ trước cũng phải trải qua quá trình phát triển song hành như vậy để phát huy và biểu hiện rõ rệt.

Tuy nhiên, chức năng của các tế bào não không tự nó phát huy. Khi em bé chào đời, có thể nói não bộ còn như một trang giấy trắng. Khi nhận được sự kích thích vào các giác quan nghe, nhìn, xúc giác..., những chức năng của tế bào não mới dần dần bộc lộ. Các kích thích càng mạnh mẽ thì tế bào não càng nhanh chóng thành thục và hoạt động hiệu quả. Điều đáng nói là, tế bào não luôn luôn phát triển với tốc độ không như nhau, thời kỳ phát triển mạnh mẽ thực sự chỉ diễn ra

một giai đoạn rất ngắn của cuộc đời - giai đoạn từ 0 đến 3 tuổi.

Theo nghiên cứu của các chuyên gia sinh lý học, trí lực và tính cách của trẻ từ khi chào đời đến năm ba tuổi sẽ hoàn thiện 60% (tức là mỗi năm “lớn lên” khoảng 20%). Đây là thời kỳ trẻ hình thành những năng lực cơ bản của thiên tài. Khi sáu tuổi, tổ chức của tế bào não hoàn thiện đến 80% (tức là từ năm bốn đến sáu tuổi, mỗi năm sẽ chỉ thêm lên 10%). Thời kỳ này, các hoạt động vui chơi âm nhạc, hội họa, ngôn ngữ, chữ viết... sẽ là điều kiện cần thiết để trẻ đạt được bước phát triển rõ rệt về trí tuệ. Từ sáu đến tám tuổi là hai năm để hoạt động của não bộ hoàn thiện đến 90% (tức là mỗi năm chỉ tăng lên 5%). Đây là độ tuổi trẻ vào học tiểu học, điều đó cũng có nghĩa là từ đây, yếu tố học hành, nâng cao tri thức trở thành yếu tố chủ yếu quyết định sự phát triển của trí tuệ ở trẻ, hay nói cách khác là phẩm chất thông minh ở trẻ. Với một vài con số thống kê trên, chúng ta cũng không khó khăn nhận ra rằng độ tuổi từ 0 đến 3 là giai đoạn quan trọng nhất đối với sự phát triển trí tuệ của trẻ.

Ngay từ những năm đầu của thế kỷ XX, Montessori đã sớm đề xướng quan điểm về tầm quan trọng của giáo dục trong giai đoạn trẻ từ 0 đến 3 tuổi, thậm chí bà còn nhấn mạnh hai năm đầu đời được tiếp cận với giáo dục đối với mỗi em bé là hết sức cần thiết. Đây

là thời kỳ phát triển trí tuệ cơ bản, là giai đoạn chuẩn bị những năng lực trí tuệ cho trẻ trong các giai đoạn sau này. Nếu theo các con số tính toán về chỉ số hoàn thiện hoạt động não bộ của trẻ như trên thì hai năm đầu rày cần đạt được chỉ số 50%. Qua quan sát và nghiên cứu, Montessori phát hiện thấy em bé ngay khi được cha mẹ trao cho một "*sinh mệnh thể chất*" thì đồng thời cũng có một sinh mệnh khác nữa - "*sinh mệnh tinh thần*". Chúng ta nên nhớ rằng Montessori đã đề xuất những quan điểm của bà từ những năm đầu thế kỷ XX. Và vì sinh mệnh thể chất được hình thành từ khi em bé là thai nhi nằm trong bụng mẹ, nên theo quan điểm của Montessori, mỗi thai nhi cũng đã được mang một sinh mệnh tinh thần, nghĩa là bé có thể bắt đầu tiếp nhận giáo dục ngay từ lúc còn nằm trong bụng mẹ.

Như chúng ta đã biết, số lượng tế bào não ở mọi người là như nhau, điều đáng quan tâm là nhân tố nào đưa đến sự phân biệt về phẩm chất phát triển trí lực ở mỗi cá thể? Nghiên cứu của nhà nghiên cứu Jencks cho biết: về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển của mỗi cá thể, có 45% sự khác biệt của các cá thể là do nhân tố di truyền, 35% sự khác biệt của các cá thể là do môi trường hoàn cảnh, 20% còn lại là các yếu tố di truyền và yếu tố môi trường tương tác nhau tạo nên sự khác biệt.

Tức tế này cho thấy ngoài yếu tố di truyền không

thể khắc phục thì các tác động của môi trường hoàn cảnh vẫn tỏ ra hết sức quan trọng. Nếu như di truyền cung cấp các tiềm năng phát triển cho cá thể thì chính nhờ môi trường hoàn cảnh, các tiềm năng này mới được phát huy và thể hiện rõ rệt. Nói một cách khác, cho dù một em bé khi sinh ra có tiềm năng phát triển trí tuệ vượt trội nhưng nếu không được hưởng một nền giáo dục lành mạnh và hiệu quả thì tiềm năng này sẽ phát huy rất hạn chế.

Chúng ta đang nói đến tầm quan trọng của các tác động từ môi trường hoàn cảnh đối với năng lực phát triển trí tuệ. Điều này cũng có thể gọi là trình độ mỗi cá nhân huy động như thế nào với tiềm năng phát triển trí tuệ của mình. Các nhà nghiên cứu cho biết người bình thường chỉ mới huy động được khoảng 4% tiềm năng phát triển trí tuệ của mình. Nếu các bậc cha mẹ có thể giúp đỡ con cái sớm huy động nhiều hơn tiềm năng này thì đó chính là “*sáng tạo nhân tài*” cho tương lai.

Xuất phát từ những nhìn nhận tiến bộ trên, để trẻ có thể sớm huy động nhiều hơn các năng lực phát triển trí tuệ, *Phương pháp giáo dục Montessori* ngoài chủ trương “*giáo dục sớm*” còn đề xuất cần thiết giúp trẻ “*rèn luyện các giác quan*”. Rèn luyện các giác quan có ý nghĩa quan trọng bởi vì phương thức học tập đầu tiên của con người là cảm nhận trực tiếp bằng giác quan

(thính giác, thị giác, xúc giác, vị giác, khứu giác). Chẳng hạn, em bé sau khi chào đời thì biết bú sữa, trẻ con thích dùng tay sờ mó lên các vật làm chúng tò mò... Vì vậy, rèn luyện các giác quan sẽ nâng cao độ nhạy cảm của các giác quan, đây là một tác động hiệu quả đối với sự phát triển của não bộ.

Từ 0 đến 3 tuổi là thời kỳ lý tưởng để đưa những tác động hiệu quả của giáo dục đến với các em nhỏ. Đây là thời kỳ trẻ em có sự biến động lớn về thể chất, thời kỳ dần đi vào ổn định tâm lý và hình thành tính cách. Vì thế, những người làm công tác giáo dục nên tranh thủ thời kỳ lý tưởng này để giúp đỡ các em xây dựng nền tảng tốt đẹp cho sự phát triển toàn diện về sau.

Cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và những bước đột phá trong nghiên cứu về não bộ của giới sinh lý học, khoảng 20 năm trở lại đây, người ta đã chứng minh được điều Montessori khẳng định "*trẻ em sẽ định hình đến 60% tính cách cũng như năng lực trí tuệ khi được 3 tuổi*" và cũng rõ hơn nguyên nhân dẫn đến "*âm quan trọng của giáo dục đối với trẻ trong hai tuổi đầu tiên*".

Trong các tác phẩm của Montessori, người ta thấy bà thường hay sử dụng đến từ “*làm việc*” (trong tiếng Anh là “*work*”). “*Làm việc*” với Montessori không hoàn toàn giống như ngữ nghĩa thông thường chúng ta hiểu về từ này. Theo cách nói của Montessori, “*làm việc*” là chỉ tất cả các hoạt động do sự kết hợp giữa não bộ và tay chân, giữa thân thể và trí lực. “*Làm việc*” là một trọng điểm trong lý luận giáo dục của Montessori, thậm chí có người nhận xét rằng hệ thống phương pháp tư tưởng giáo dục Montessori chính là “*làm việc*”.

Montessori cho rằng “*làm việc*” là bản năng của con người, là biểu hiện sinh động của nhân tính. Từ những quan sát và nghiên cứu về giáo dục trẻ em trong “*ngôi nhà tuổi thơ*”, Montessori đã phát hiện một sự thực khá ngạc nhiên là: trẻ em thích “*làm việc*”, thậm chí hơn cả chuyện vui chơi. Trẻ em rất thích sử dụng mọi đồ dùng, chúng luôn cảm thấy hứng thú và say mê với các đồ vật đó. Bà từng nói: “*Sự yêu thích được làm việc của con trẻ là biểu hiện tự nhiên của “bản năng sinh mệnh”*”. Trong điều kiện môi trường thuận lợi, bản năng “*làm việc*” là một nhu cầu mang tính nội tại được bộc lộ ra ngoài”. Tất nhiên, điều gọi là “*làm việc*” ở con trẻ không

thể giống như người lớn chúng ta. Montessori đã đưa ra một số đặc điểm về “*sự làm việc*” của trẻ em như sau:

- Tôn trọng “*sự làm việc*” của các em tức là tôn trọng sự phát triển tự nhiên, đáp ứng nhu cầu nội tại bản năng của trẻ;

- Mục tiêu “*làm việc*” là rèn luyện kỹ năng cuộc sống, xuất phát từ mong muốn của chính bản thân mỗi em bé là tự hoàn thiện, tự độc lập;

- Đó là “*sự làm việc*” có tính sáng tạo, vận động và mang tính kiến tạo năng lực cho trẻ trong cuộc sống;

- Trẻ thông qua môi trường để tự hoàn thiện mình, sáng tạo bản thân và hình thành nhân cách;

- Các phương thức hay tốc độ thực hiện “*làm việc*” ở các em nhỏ khác nhau tùy theo nhu cầu nội tại của từng em.

Đối với trẻ em, khi chúng đang say sưa làm một việc nào đó, bạn đừng nghĩ ngay rằng những việc trẻ làm là vô bổ. Hãy quan sát và chú ý, thực ra trẻ đang rất cố gắng thực hiện một công việc “*nghiêm túc*” - đó là học tập các kỹ năng, thao tác để trưởng thành.

Phương pháp giáo dục Montessori chỉ ra rằng mục

đích của *"làm việc"* là để trẻ hoàn thiện những thao tác kết hợp ăn khớp giữa tay chân và trí não. Nhờ rèn luyện, trẻ có thể tập trung tinh thần, phát triển khả năng hoạt động độc lập và biết cách tiến hành một công việc có trật tự từ bắt đầu đến hoàn thành. Đồng thời, thông qua *"làm việc"*, cùng với sự hoàn hảo dần của các thao tác chân tay, nhân cách và trí tuệ của trẻ sẽ nhanh chóng có bước tiến bộ rõ rệt.

Mục tiêu *"làm việc"* của trẻ là để tự hoàn thiện bản thân. Điều này hoàn toàn khác người lớn. Người lớn *"làm việc"* vì nhu cầu đòi hỏi của xã hội, vì nhu cầu ăn mặc của cuộc sống hằng ngày, nói cách khác là để duy trì đời sống. Khi nhìn thấy quần áo của con cái mình bị lấm lem bùn đất, bạn đừng vội la mắng bọn trẻ. Đúng là điều này khiến người lớn cảm thấy phiền phức nhưng trẻ con thì ngược lại. Trẻ con không quan tâm trước tiên đến vấn đề quần áo bị lấm lem khi nghịch đất cát. Bởi vì chúng có thể đang rất vui sướng với một *"công việc"* vừa hoàn thành, có thể bọn trẻ vừa xây xong một con đường, vừa đắp xong một cây cầu bằng đất, hoặc cũng có thể vừa bắt chước bố mẹ nặn được những chiếc bánh bao đất xinh xắn. Những công việc của trẻ đều do chính chân tay và trí não chúng sáng tạo nên. Thông qua đó, bọn trẻ thoả mãn nhu cầu nội tại là *"tập dượt làm người lớn"*, chuẩn bị những điều kiện để trở thành chủ nhân tương lai của nhân loại.

Vấn với ví dụ về trò chơi nặn đất của các em nhỏ, vì sao bọn trẻ yêu thích nặn đất? "*Nặn đất*" sẽ mang lại cho các em "*sản phẩm*", để các em được luôn luôn vận động đôi tay, sờ nắm đồ vật và thể nghiệm cảm giác, từ đó phát triển hơn về trí lực. Ban đầu, chẳng hạn trẻ định nặn một con ngựa, nhưng sản phẩm hoàn thành thật sự không giống con ngựa. Đó là vì tay và não chưa có sự kết hợp nhuần nhuyễn. Qua một thời gian tiếp xúc với trò chơi này, bạn nhận thấy trẻ có tiến bộ, chúng nặn đất có phương pháp hơn. Bớt một ít đất ở chỗ này, thêm một ít đất nặn ở chỗ khác, hình con ngựa đã dần hoàn thiện dưới đôi bàn tay của trẻ. Điều này củng cố tay và não đã trở nên ăn khớp hơn trong vận động.

Thế nhưng, trẻ có thể sẽ thay đổi sở thích. Một thời gian sau, trẻ không thích thú với những cục đất nặn nữa, ví dụ, trẻ cảm thấy hứng thú với việc cắt dán giấy màu. Như vậy là "*nhu cầu nội tại*" đã hướng dẫn hành động của trẻ, những mong muốn về rèn luyện sự khéo léo của đôi tay và sự nhanh nhạy của trí óc đã thay đổi "*sở thích đồ chơi*" của trẻ.

Montessori quan niệm mọi hoạt động tự phát như rèn luyện các cảm giác, rèn luyện các kỹ năng của đời sống hàng ngày đều là "*công việc*" của trẻ. Theo cách hiểu này, "*làm việc*" sẽ kéo hai khái niệm vốn xung đột nhau trong lý thuyết giáo dục truyền thống là "*tự do*"

và “*kỷ luật*” được xích lại gần nhau. Nói cách khác là “*làm việc*” có thể khiến cho “*kỷ luật*” được hình thành một cách “*tự do*”, không áp chế, không cưỡng bức. Montessori đã phân tích khá tỷ mỉ về các yếu tố dẫn đến “*kỷ luật*” được hình thành thông qua “*làm việc*” ở trẻ em.

Thứ nhất, từ góc độ sinh lý, “*làm việc*” đã hỗ trợ rất nhiều cho việc điều tiết và khống chế các vận động cơ thể. Thực chất của việc tuân thủ kỷ luật ở trẻ em là do chúng kiểm soát được những hành vi của bản thân một cách có ý thức và chủ động. Vấn đề lớn nhất của bọn trẻ là còn thiếu khả năng kiểm soát này. Thông qua các loại “*công việc*”, trẻ phát huy khả năng điều tiết, kiểm soát bản thân, đó là cơ sở để “*tuân thủ kỷ luật*”.

Thứ hai, từ góc độ tâm lý, “*làm việc*” là phương thức tốt bồi dưỡng ý chí của trẻ. Điều kiện đầu tiên để trẻ có thể tuân thủ kỷ luật chính là phải có ý chí, ý chí nên được xây dựng trước sự phục tùng.

Ngoài ra, “*làm việc*” có thể phát huy tính độc lập ở trẻ. “*Tính độc lập*”, theo cách hiểu của Montessori, là khái niệm thuộc phạm trù sinh vật học, tức là chỉ sự tự chi phối, chỉ những nguyện vọng và nhu cầu của cá nhân được đáp ứng nhờ vào các cơ quan chức năng của cơ thể con người. Montessori cho rằng khi chỉ dẫn trẻ tham gia vào các “*công việc*”, để trẻ khám phá và cảm

thấy thích thú với “*công việc*”, như vậy trẻ sẽ “*độc lập*” thoả mãn những nhu cầu nội tại của bản thân. Nếu mỗi trẻ em đều tự được đáp ứng bản thân như vậy thì sẽ không còn cãi lộn, không còn tranh giành hay đổ kỵ - “*kỷ luật*” chính là theo cách thức này để biểu hiện trong cuộc sống.

Từ những phân tích của Montessori, chúng ta thấy rằng sở dĩ “*làm việc*” tạo điều kiện cho hình thành kỷ luật là do tính chất, đặc điểm của “*sự làm việc*” quyết định nên. Vì “*làm việc*” mang đặc điểm là “*nhu cầu nội tại*” được bộc lộ bằng “*những hành động tự phát, tự nhiên*” của trẻ, cho nên chỉ cần người lớn biết cách hướng dẫn, bọn trẻ sẽ đi vào kỷ luật một cách không miễn cưỡng, không ép buộc. Montessori thậm chí nhấn mạnh rằng kỷ luật thực sự chỉ có thể được biểu lộ thông qua “*sự làm việc*” của bản thân bọn trẻ. Khi thực hiện một “*công việc*”, đến một thời điểm, chúng ta nhận thấy trẻ không chỉ rất hứng thú mà còn chuyên tâm tập trung cao độ với “*công việc*”, đó là lúc trẻ đang đi vào con đường “*tuân thủ kỷ luật*”.

Về vấn đề “*kỷ luật*” trong giáo dục, quan điểm của Montessori thống nhất với nhà tư tưởng người Pháp trước đó Jean Jacques Rousseau ở điểm phản đối tác dụng của “*giáo huấn đạo lý*”. Theo bà, trẻ nhỏ còn đang ở trong thời kỳ chuyển từ “*ý thức tiềm năng*” sang “*ý*

thức", những giáo huấn đạo lý của người lớn thật sự không phù hợp. Ngoài ra, cách ra lệnh để câu thúc đối với trẻ cũng là sai lầm, vì điều này đi ngược với nguyên tắc tôn trọng sự phát triển tự nhiên của trẻ.

Một nhà giáo dục sau này đã nhận xét: "*tự do phát triển*", "*làm việc*" và "*trật tự kỷ luật*" là ba điểm cơ bản trong phương pháp giáo dục Montessori. Có thể nói, với phương pháp giáo dục Montessori, "*làm việc*" là con đường hướng sự phát triển tự do của trẻ đi vào trật tự kỷ luật một cách không miễn cưỡng, không ép buộc - đó cũng là sáng kiến tuyệt vời của nhà giáo dục Maria Montessori.

heo phương pháp giáo dục Montessori, đồ chơi và giáo cụ (dụng cụ giảng dạy, học tập) không phải là những khái niệm đồng nhất. Giáo cụ có chức năng giáo dục rõ rệt. Những đồ dùng dạy học, học tập này có ý nghĩa riêng, không thể xếp đặt một cách tùy tiện. Trong gia đình, giáo cụ cần được để trong phòng học tập riêng của con cái và cần được tôn trọng những quy tắc sử dụng.

Ở “*ngôi nhà tuổi thơ*”, Montessori rất chú trọng việc rèn luyện các giác quan của trẻ. Vì thế, bà đã thiết kế nhiều giáo cụ chuyên dụng cho nội dung giáo dục này. *Các giáo cụ dành riêng cho rèn luyện giác quan của trẻ có một số đặc điểm cơ bản như sau:*

Tùy theo cách sử dụng, giáo cụ được phân thành các loại khác nhau. Mỗi loại giáo cụ về cơ bản là gồm một số bộ phận tạo nên. Các bộ phận này khác nhau về kích cỡ, trọng lượng, tần suất hoạt động, còn các tính chất khác thì giống nhau. Chẳng hạn, một loại giáo cụ rèn luyện khả năng nhận biết trọng lượng đồ vật, các chi tiết trong loại giáo cụ này đều đồng chất và có hình dạng giống nhau, điểm khác biệt chỉ là về trọng lượng. Trẻ thông qua tiếp xúc, cầm nắm với các

chi tiết trong bộ giáo cụ này sẽ được luyện tập năng lực nhận biết trọng lượng nặng nhẹ của đồ vật. Điều đáng chú ý là mỗi loại giáo cụ được chuyên dụng cho việc phát triển một loại giác quan. Montessori rất nhấn mạnh việc luyện tập một cách chuyên biệt với từng loại giác quan. Nếu một giác quan đang "*luyện tập*" thì hết sức tránh sự "*quấy rầy*" của các giác quan khác. Ví như khi rèn luyện xúc giác, trẻ thường được yêu cầu bịt mắt lại hoặc giữ yên lặng để "*sử dụng*" bộ giáo cụ phát huy độ nhạy cảm của xúc giác.

Các bộ giáo cụ của Montessori bao gồm các loại giúp cho trẻ nhận biết kích cỡ to nhỏ, trọng lượng nặng nhẹ, độ dài ngắn cao thấp, từ rất lớn đến rất nhỏ... Thông qua đây, trẻ dần hình thành "*cảm quan về tính chất trật tự, thứ bậc*" trong cuộc sống. "*Trật tự*" không chỉ biểu hiện trực tiếp trên những đồ dùng dạy học mà còn ảnh hưởng tới cách sử dụng, thái độ tiếp nhận và giữ gìn đồ vật của các em nhỏ. Đây là bước đầu đưa các em nhỏ làm quen với mọi trật tự logic phức tạp hơn của cuộc sống sau này.

Với những đặc điểm trên, rõ ràng "*giáo cụ*" được phân biệt với "*đồ chơi*". Rất nhiều loại đồ chơi tuy không phải không có tính giáo dục nhưng mục đích chủ yếu lại nhằm vào sự hiếu kì của trẻ em và tâm lý một mực chiều chuộng con cái của các ông bố bà mẹ.

Theo *Phương pháp giáo dục Montessori*, “*giáo cụ*” thay thế “*đồ chơi*”, trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả nhất trong việc dạy dỗ con trẻ.

Chúng ta đã nói nhiều đến tính ưu việt của “*giáo cụ*” trong hệ thống giáo dục Montessori, vậy số lượng của chúng là bao nhiêu loại? Theo một con số thống kê, số lượng giáo cụ này đến nay có khoảng 349 loại, nhưng rất khó xác định một cách chắc chắn bao nhiêu loại trong đó do chính tay Montessori thiết kế. Tuy vậy, thực tế này lại rất phù hợp với quan điểm của Montessori, bởi vì bà vẫn cho rằng lý luận giáo dục của mình không có điểm kết luận cuối cùng. Nó luôn luôn cần bổ sung, phát triển và sự thực là người ta đã dựa trên tinh thần và phương pháp giáo dục của bà để sáng chế thêm nhiều loại giáo cụ mới.

Nói về “*giáo cụ*”, có một điều lý thú là chính Montessori lại không thích sử dụng hai chữ này. Theo bà, chúng ta nên gọi đó là các “*công cụ cung cấp tư liệu làm việc*”. Bởi vì, chức năng chủ yếu của chúng là đưa tới “*tư liệu*” cần thiết chuẩn bị cho những “*công việc*” thực sự của các em nhỏ trong tương lai, cùng với điều đó là mục đích tăng cường trí lực, phát triển nhân cách. Những giáo cụ của Montessori hoàn toàn khác biệt với một mô hình sinh học, một tấm bản đồ địa lý... mà các thầy giáo vẫn sử dụng để hỗ trợ cho bài giảng của

mình trong các lớp học thông thường. Sử dụng giáo cụ Montessori là đưa tới cho các em những công cụ trợ giúp để “tự giáo dục”, “giáo dục tự phát huy”.

Khi thiết kế giáo cụ, Montessori thường chủ trương không sử dụng nhiều màu sắc pha trộn, thông thường là sử dụng màu đơn. Cùng một bộ giáo cụ, có khi các chi tiết của nó đều có cùng một màu sắc. Trọng lượng, kích cỡ của từng bộ phận chi tiết trong giáo cụ cũng được tính toán để phù hợp với “nhu cầu nội tại” của trẻ. Chẳng hạn, bộ phận có kích cỡ lớn nhất trong một bộ giáo cụ phải được thiết kế để trẻ có thể nhấc lên và bê đi bê lại được. Cách sử dụng các giáo cụ có quy tắc nhất định, đi từ đơn giản đến phức tạp, điều này nhằm giúp trẻ nhận thức được về thứ tự, trật tự, từ đó bồi dưỡng năng lực kỷ luật trong mọi hành vi cuộc sống.

Trong *Sổ tay giáo dục Montessori*, bà phân loại cho các giáo cụ thành tám mục tùy theo nội dung giáo dục, bao gồm loại phát triển sự khéo léo của đôi tay, loại giáo dục cảm quan, giáo dục ngôn ngữ và tri thức, loại phát triển tinh thần tự do độc lập, giáo dục chữ viết, giáo dục khả năng đọc, giáo dục làm toán và giáo dục đạo đức. Tuy nhiên, những người theo phương pháp giáo dục Montessori sau này đã giản gọn xuống còn bốn loại giáo cụ với bốn nội dung giáo dục sau:

1. Giáo cụ phục vụ giáo dục các kỹ năng đời sống hằng ngày

Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia có một nền văn hoá riêng và những thói quen sinh hoạt đời sống hằng ngày khác nhau. Đây là đặc điểm đầu tiên ảnh hưởng tới những giáo cụ phục vụ giáo dục các kỹ năng đời sống hằng ngày. Ngoài ra, nội dung giáo dục cần đáp ứng của những giáo cụ này là khá rộng lớn, vì nó bao gồm tất cả mọi hoạt động của đời sống hằng ngày. Với những đặc điểm này, giáo cụ phải thể hiện được cả hai tính chất là chỉ đạo việc tiếp nhận các thường thức văn hoá và nâng cao năng lực phát triển trí tuệ.

Giáo cụ cho mục đích giáo dục những kỹ năng đời sống hằng ngày bao gồm bốn phân loại nhỏ hơn. Đó là:

- Giáo cụ rèn luyện động tác (như tập đi đường thẳng...);

- Giáo cụ rèn luyện khả năng tự chăm sóc bản thân (như tự đi giày, tự mặc quần áo...);

- Giáo cụ rèn luyện tinh thần chăm sóc môi trường sống xung quanh (như nhặt cỏ trong vườn, tưới nước cho hoa...);

- Giáo cụ rèn luyện nếp sống lễ phép, lịch sự (như thói quen chào hỏi, dạ thưa...).

Việc giáo dục các hoạt động thường ngày có tác dụng rất hiệu quả đối với việc tăng cường tính hài hoà, nhịp nhàng giữa hoạt động của cơ thể tay chân với hoạt động của trí não. Bởi vì đối với trẻ em, sự cân bằng, linh hoạt của động tác sẽ kích thích mạnh mẽ sự phát triển trí lực; sự nhanh mắt, nhanh tay là nhân tố chuẩn bị cho trẻ tiếp cận với việc học đọc, học viết một cách thuận lợi sau này.

2. Giáo cụ phục vụ giáo dục cảm quan

Loại giáo cụ này bao gồm các nội dung luyện tập thính giác, thị giác, xúc giác, vị giác, khứu giác... Thông qua sử dụng các giáo cụ này, những cảm nhận về các đối tượng trừu tượng như màu sắc, mùi vị sẽ dần hình thành và phát triển một cách nhạy bén. Tác dụng chủ yếu của loại giáo cụ này là:

- Bằng các phương pháp hợp lý, kích thích sự phát triển của bản thân từng loại giác quan;

- Hỗ trợ trẻ đi theo con đường phát triển tự nhiên, cũng có nghĩa là để trẻ thêm một bước tự vận động quan sát và tư duy;

- Để giúp trẻ thích ứng được với cuộc sống xã hội hiện tại và tương lai, điều nên làm là để trẻ hình thành một năng lực tốt về quan sát môi trường hoàn cảnh, từ đó trẻ có được thói quen khoa học là đi từ quan sát đến thực hành.

Những mục tiêu kể trên được rút ra từ kết quả của các thực nghiệm mà Montessori tiến hành trong “*ngôi nhà tuổi thơ*”. Khi tham gia một hoạt động nhằm phát triển năng lực quan sát, các em đồng thời được hình thành khả năng cân nhắc, nhận xét, nhận biết vật giống nhau, vật khác nhau. Tư duy “*suy đoán, suy luận*” nhờ đó được thiết lập và tiến bộ.

Các thao tác trong sử dụng giáo cụ được thiết kế với nhiều chú ý dành cho “*trật tự trước sau của các công đoạn*”. Điều này thậm chí được coi trọng hơn cả “*kết quả*” của các công đoạn này và cũng là điểm mà Montessori nhiều lần nhấn mạnh với các phụ huynh và các thầy cô giáo.

3. Giáo cụ phục vụ phát triển ngôn ngữ

Nhiều phương pháp giáo dục của Montessori đi theo lối tác động gián tiếp tới sự phát triển ở trẻ. Các công cụ phục vụ phát triển ngôn ngữ được thiết kế trên tinh thần này.

Đầu tiên, Montessori không trực tiếp dạy các em nhỏ cầm bút viết chữ. Bà bắt đầu việc dạy dỗ này từ những rèn luyện trong cuộc sống hằng ngày và đây được coi là giai đoạn dự bị. Vì tồn tại một giai đoạn như thế nên thời điểm bắt đầu “*dự bị*” có thể tiến hành ngay sau khi em bé chào đời. Công tác chuẩn bị này

như sau: bố mẹ hãy mang lại cho con cái mình một môi trường phong phú về ngôn từ, hãy để trẻ phát triển ngôn ngữ bằng cách dần dần đi từ cảm nhận trực giác tự nhiên đến chủ động lĩnh hội ngôn ngữ văn tự. Chẳng hạn, khi em bé còn rất nhỏ, bố mẹ hãy dành nhiều thời gian trò chuyện với các bé; khi các em đến độ tuổi biết đi, bố mẹ có thể viết tên của bé lên khăn mặt, mũ, giày dép và mọi đồ vật của bé... Bởi vì sự lớn lên của trẻ con là một quá trình, sự chuẩn bị của bố mẹ sẽ tạo cho các em nhỏ những tiền đề hữu ích để học tập và lĩnh hội tri thức sau này. Khi các em đến độ tuổi lớn hơn một chút, bố mẹ có thể cho các em tiếp xúc với nhiều tranh ảnh, sách truyện có nội dung lành mạnh. Bố mẹ nên cùng các em đọc nhiều lần những cuốn sách truyện hữu ích này. Đây là loại giáo cụ rất tuyệt vời để phát huy năng lực ngôn ngữ của trẻ em.

4. Giáo cụ phát huy năng lực toán học

Nguyên tắc giáo dục cơ bản là đi từ đơn giản đến phức tạp, từ cụ thể đến trừu tượng. Vì vậy, để phát triển năng lực toán học - loại tri thức mang tính khái niệm trừu tượng cao, Montessori cho rằng cách tốt nhất là bắt đầu để trẻ được tiếp xúc với những đồ vật đơn giản, cụ thể. Chúng ta cần để trẻ tự tay sờ, mó, cầm, nắm vào đồ vật, ban đầu là tập đếm các đồ vật, sau đó

là nhận biết kích cỡ to, nhỏ... Cách thức này sẽ giúp trẻ dần dần lĩnh hội được mối liên hệ giữa các khái niệm trừu tượng với những đồ vật cụ thể, hữu hình này.

guyên tắc giáo dục của Montessori là *lấy trẻ em làm trung tâm*, cần phải có sự hiểu biết sâu sắc về trẻ để tôn trọng sự phát triển trưởng thành của nhân cách từng em nhỏ. Các nội dung giáo dục phải được xây dựng vì mục tiêu phát triển toàn diện thể lực, trí lực của trẻ, bồi dưỡng tính tự chủ, nhân cách và duy trì thói quen học tập, làm việc cho các em.

Sự trưởng thành của mỗi trẻ em không phải trong một chốc lát mà là cả một quá trình. Quá trình này tựa như diễn ra một cách tự nhiên, trẻ em được sinh ra và tự chúng lớn lên. Thực ra không hoàn toàn như vậy, sự lớn lên, trưởng thành này cũng theo trật tự và quy luật, chẳng hạn từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp. Qua sự quan sát và nghiên cứu của mình, Montessori phát hiện ra rằng trong cái gọi là "*sự phát triển tự nhiên của mỗi sinh mệnh*", mỗi sinh mệnh luôn luôn vận động, luôn luôn nỗ lực để đạt tới sự trưởng thành. Ví dụ như chuyện "*gà mẹ ấp trứng*". Gà mẹ đẻ trứng rồi làm nhiệm vụ ấp trứng, còn việc trứng nở thành con còn phải dựa vào sự nỗ lực của chính "*sinh mệnh*" nằm trong vỏ trứng đó. Đi sâu tìm hiểu những động lực thúc đẩy mỗi

sinh mệnh tự vận động để vươn tới trưởng thành, Montessori nhận thấy mỗi em bé sau khi chào đời đều đã có một *"lịch trình phát triển"*, lịch trình đó giống như trứng gà nở thành gà con vậy! Vì thế, mỗi em bé ngay từ lúc còn nằm trong bụng mẹ thì đã có một *"năng lực phát triển tiềm tàng"*. Thời điểm trứng nhận tinh trùng để hoài thai thì *"sinh mệnh"* cũng bắt đầu một *"lịch trình phát triển"* chuẩn bị *"thành người"* - một lịch trình thuận theo những bước đi của tự nhiên và trong từng bước đi đó, mỗi sinh mệnh không ngừng cố gắng, không ngừng vươn lên để đi hết lịch trình của chính mình. Điểm đánh dấu những bước cố gắng vươn lên đó chính là *"những nhu cầu nội tại"* của mỗi sinh mệnh.

Tốc độ phát triển tâm sinh lý ở từng trẻ là khác nhau, vì vậy, tiến trình của các giai đoạn trưởng thành của các em cũng không đồng nhất. Tuy nhiên, một đặc điểm tương đồng là từ khi sinh mệnh thành hình hài, từ khi bào thai hiện hữu, mỗi cá thể vì sự phát triển thể trí lực của bản thân đã xuất hiện *"nhu cầu nội tại"*. Những nhu cầu chỉ biểu hiện ở bên trong này đã thôi thúc các cá thể tìm kiếm và đáp ứng. Bằng cách đó, các bước phát triển của cá thể được thực hiện và mục tiêu của sự trưởng thành càng được đến gần.

Ví dụ như em bé sơ sinh khi cảm thấy đói thường nhắm nghiền mắt, dùng mũi để xác định hơi sữa mẹ,

miệng tìm đầu vú mẹ... Tất cả biểu hiện đó là sự tự vận động nhằm thoả mãn một *"nhu cầu nội tại"* của bé là *"đang bị đói"*. Trong trường hợp này, nếu người lớn không nhận thức đúng các biểu hiện của một hoạt động chủ động vận động đáp ứng nhu cầu nội tại, thậm chí đơn giản cho rằng *"trẻ còn quá nhỏ để hiểu biết"*, *"chúng trông rỗng và người lớn sẽ lấp đầy sự trống rỗng đó"*... thì thật là sai lầm nghiêm trọng. Người lớn nên nhìn nhận một cách sâu sắc rằng trẻ cần chúng ta giúp đỡ mà không cần chúng ta *"lấp chỗ trống rỗng"*, trẻ rất cần chúng ta hiểu và tôn trọng những nhu cầu nội tại của chúng để chúng lớn lên và trưởng thành tốt đẹp.

Từ góc độ giáo dục, điều người lớn có thể làm được và nên làm, nhất là hãy tạo cho trẻ em những môi trường học tập và phát triển lành mạnh, để trẻ em tự lựa chọn từ môi trường đó sao cho đáp ứng tốt nhất nhu cầu bên trong của chính các em. Trên cơ sở môi trường giáo dục lành mạnh người lớn kiến tạo cho, trẻ em sẽ tự vận động phát triển, từng bước, từng bước vươn tới đích trưởng thành.

Tất cả những thành quả đạt được có mối liên quan chặt chẽ với sự *"can thiệp"* hợp lý về chỉ đạo, hướng đạo của người lớn trong dạy dỗ trẻ em. Khi làm nhiệm vụ hướng đạo, người lớn nhất thiết không *"làm hộ, làm thay"* các em, đừng để trẻ thậm chí không nhận thấy

hành động, suy nghĩ, ý tưởng của bản thân trong chính công việc của mình. Khi cần thiết, người lớn cần tiến hành giúp đỡ có phương pháp, nhất thiết không thể trở thành "*cản trở*" đối với quá trình học hỏi, tiếp thu tri thức của trẻ. Nếu không tiến hành hướng đạo một cách có phương pháp, hậu quả có thể là "*dập tắt*" niềm hứng thú của trẻ với tri thức. Muốn tránh điều này, những người "*hướng đạo*" phải nhận thức rõ rệt việc tôn trọng, giữ gìn và kích thích những niềm say mê của trẻ với tri thức, không gò ép, khiên cưỡng trẻ. Chỉ khi ấy, trẻ mới thực sự được bước đi trên con đường chân chính hướng tới tri thức.

Thêm nữa, người lớn chúng ta cũng cần chú ý đến tính cách "*ưa mở rộng*" của trẻ. Trẻ vốn rất sáng tạo, khi chúng lựa chọn một loại hoạt động nào là căn cứ vào nhu cầu nội tại. Chúng kiên trì hay chuyển đổi sang hoạt động khác cũng vì nhu cầu nội tại này. Trẻ không như người lớn thường sợ sự trả giá, ngược lại, trẻ sẵn sàng tìm cơ hội để "*trả giá*", tức là khi trẻ đã hứng thú với công việc thì sẵn sàng khắc phục khó khăn để hoàn thành. Người lớn nên nhìn nhận công bằng những cố gắng của trẻ, nên cùng trẻ chia sẻ niềm vui thành công, cho dù là những thành công rất nhỏ. Điều cần ghi nhớ là "*hãy yên lặng chờ đợi*" sự tự vận động của trẻ, không làm thay, không làm hộ và cũng đừng can thiệp quá nhiều. Khi làm công việc "*yên lặng*

chờ đợi” và sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ bọn trẻ những lúc cần thiết, người lớn chúng ta hãy cảm thông, ủng hộ và động viên, khuyến khích chúng. Hãy kiên trì và nhẫn nại vì sự khôn lớn của con trẻ là một quá trình lâu dài và đòi hỏi nhiều công sức. Và những người làm bố làm mẹ hãy đừng quên chia sẻ và cùng vui sướng với những thành tựu của con cái mình trên từng bước đường lớn khôn.

Trong cuộc sống, người lớn chúng ta vẫn mong muốn khi làm việc không bị quấy rầy, khi cố gắng sẽ nhanh chóng vượt qua trở ngại, lúc cần thiết có bạn tri kỷ để cảm thông, để san sẻ những khó khăn. Tại sao chúng ta không nghĩ rằng bọn trẻ cũng có những nhu cầu tương tự như thế? Đó là còn chưa nói rằng trẻ em còn rất trong sáng, tương lai còn rộng mở ở phía trước, hãy nâng niu và trân trọng những mong muốn của các bé thơ.

Thế nhưng, trong rất nhiều trường hợp, chúng ta vẫn thường không trân trọng *“những nhu cầu”* của trẻ thơ. Đó là một thực tế! Chúng ta thường bắt bọn trẻ phục tùng người lớn hơn là cố gắng tìm hiểu xem bọn trẻ đang mong đợi điều gì. Chúng ta luôn hy vọng bọn trẻ tuân thủ quy củ, nguyên tắc và bọn trẻ thì rất giỏi trong việc bắt chước, dập khuôn. Chúng ta cần cải thiện lại tình hình này. Thay vì gò ép bọn trẻ phục tùng, hãy nhân cơ hội bọn trẻ luôn *“biết bắt chước người*

lớn", cư xử với bọn trẻ bằng tình yêu thương để chúng được bồi dưỡng lòng yêu thương và cũng biết yêu thương mọi người. Yêu thương không có nghĩa là bao bọc. Yêu thương là hãy hết lòng tìm hiểu những nguyện vọng, những nhu cầu nội tại của trẻ, tạo điều kiện và giúp đỡ để trẻ được thực hiện những nguyện vọng, nhu cầu đó.

Muốn hiểu được nhu cầu bên trong của con trẻ, chúng ta cần đến những nghiên cứu, biện pháp có tính khoa học mà không đơn giản chỉ dựa vào cảm giác hay những nhìn nhận chủ quan của bản thân. Đương nhiên đây là một việc khó khăn, bởi vì những biểu hiện của nhu cầu nội tại ở con trẻ không dễ dàng biểu lộ. Sự can thiệp của người lớn tốt hơn cả nên "*mang tính gián tiếp*" và trước sau không nên quên rằng sự lớn lên của trẻ là một quá trình lâu dài. Người lớn chúng ta hãy kiên tâm chờ đợi, lặng lẽ quan sát, không bỏ mặc trẻ phát triển tự nhiên nhưng đừng cản trở sự phát triển tự do của chúng!

Giáo dục không thể là yếu tố quyết định hoàn toàn năng lực trí tuệ của mỗi con người, môi trường giáo dục mới là nhân tố có phần lớn ảnh hưởng tới sự phát triển năng lực trí tuệ này. Montessori nhấn mạnh: *"Môi trường giáo dục giống như "đầu não" của nhân loại, nó là phần quy định cho sự phát triển toàn diện của con người"*. Quán xuyến hệ thống giáo dục phương pháp luận của Montessori, người ta thấy bốn yếu tố *"môi trường"*, *"giáo cụ"*, *"người thầy"* và *"trẻ em"* luôn có quan hệ mật thiết và nổi bật. Nhưng cũng có thể nói rằng điều quan trọng hơn cả là một môi trường giáo dục trẻ em toàn diện và chính thể.

Montessori cho rằng mục đích của giáo dục có hai phương diện: *một là*, mục đích *"sinh học"*, tức là giáo dục giúp cho mỗi cá thể được phát triển tự nhiên; *hai là*, mục đích *"xã hội"*, tức là để cho mỗi cá thể thích ứng và hoà nhập vào môi trường. Nhiệm vụ cơ bản của giáo dục là kết hợp được hai phương diện trên, làm cho mỗi cá thể - trẻ em được phát triển tự do, chủ động trong một *"môi trường mang tính chuẩn bị"*.

Các nhu cầu nội tại của trẻ em được phát triển dưới những tác động, kích hoạt từ phía môi trường bên

ngoài, cũng có thể nói sự phát triển này là kết quả của quá trình trao đổi giữa cá thể với môi trường. Montessori chỉ rõ điểm khiếm khuyết của giáo dục truyền thống là mới chỉ bao gồm hai nhân tố “trẻ em” và “người thầy”. Yếu tố “môi trường” thường không được quan tâm đến. Giáo dục hiện đại nhất thiết chú trọng đến yếu tố “môi trường” và đây là một “môi trường mang tính chuẩn bị”. Cuộc sống hiện đại thật sự rất phức tạp và có quá nhiều điều trẻ em chưa thể phù hợp. Để thích ứng với xã hội đó, trẻ em cần sự giúp đỡ của người lớn, cho nên cần đến một “cây cầu” giữa người lớn và thế giới trẻ thơ. Môi trường mang tính chất chuẩn bị chính là nơi phát huy tác dụng của “cây cầu” này, là nơi giúp con trẻ làm quen và thích ứng dần với xã hội của người lớn.

Đâu là những cách thức để thiết lập “môi trường chuẩn bị” cho trẻ em? Montessori cho rằng môi trường tốt nhất của các em bé mới chào đời chính là bản thân bố mẹ. Bố mẹ chăm sóc em bé, em bé luôn cần được ở sát bên mẹ, cần sự chở che và tình yêu thương của mẹ - đây là môi trường chuẩn bị đầu tiên của trẻ nhỏ.

Đối với trẻ từ ba tuổi trở lên, “môi trường chuẩn bị” phải luôn có khả năng kích thích và tạo cơ hội để trẻ hoạt động. Montessori chủ yếu nghiên cứu về “môi trường chuẩn bị” cho trẻ từ ba đến sáu tuổi. Từ thực tế làm việc tại “ngôi nhà tuổi thơ”, bà đã đưa ra một số

yêu cầu và tiêu chuẩn cho “môi trường chuẩn bị” với trẻ ở độ tuổi này như sau:

- Đó là môi trường sinh hoạt có quy củ, có trật tự;
- Một môi trường cung cấp các thiết bị, vật dụng cuộc sống mang tính thẩm mỹ cao, thực dụng và có sức hấp dẫn bọn trẻ;
- Môi trường này có thể làm phong phú những ấn tượng về cuộc sống ở con trẻ;
- Một môi trường cung cấp cho trẻ các giáo cụ phục vụ nội dung giáo dục cảm quan, thúc đẩy sự phát triển trí lực của trẻ;
- Môi trường tạo điều kiện để trẻ phát huy năng lực sống độc lập, biểu hiện tự nhiên và tự ý thức được năng lực của bản thân trẻ;
- Trong môi trường này, chúng ta thực hiện hướng đạo trẻ hình thành một số quy phạm cho hành vi ứng xử.

Ở các chuyên luận nghiên cứu của mình, Montessori đã miêu tả về những hoạt động ở “ngôi nhà tuổi thơ”, cũng có thể xem đây là một mẫu hình cho việc xây dựng “môi trường chuẩn bị” đối với trẻ từ ba đến sáu tuổi. Điều đầu tiên Montessori nhấn mạnh là thực chất không có một khuôn mẫu nhất định, chỉ có một mục

tiêu nhất thành bất biến là “*đem đến cho trẻ một môi trường hoạt động và phát triển hiệu quả nhất*”.

Theo ghi chép của Montessori, “*ngôi nhà tuổi thơ*” đã tạo mọi cơ hội cho các em phát triển. Cách thức của “*ngôi nhà tuổi thơ*” là trường học được tổ chức như một “*gia đình*”. Trước hết, lớp học không chỉ khép kín ở một, hai phòng mà cần có sân, vườn, ngoài sân nên có các dụng cụ che mưa, che nắng. Mục đích là để trẻ được hoạt động vui chơi cả không gian trong nhà và bên ngoài, được đáp ứng những sở thích của bản thân, được tự chăm sóc cây hoa, tự bày biện một số đồ trang trí hay là nuôi một con vật yêu thích.

Gần “*ngôi nhà tuổi thơ*” của Montessori có một vườn hoa, đó là nơi bà thường đưa bọn trẻ đến vui chơi, vận động và cả nghỉ ngơi nữa. Còn bên trong “*ngôi nhà tuổi thơ*”, Montessori bố trí phòng dành riêng cho hoạt động “*làm việc*” và phòng dành riêng cho “*vui chơi*”. Phòng “*làm việc*” là nơi quan trọng nhất của “*ngôi nhà tuổi thơ*”, trong đó có một tủ kính dài và hai, ba tủ có ngăn kéo. Tủ kính rất thấp, vừa tầm để trẻ có thể dễ dàng với tay lấy và cất đồ. Với các tủ có ngăn kéo, mỗi em nhỏ được có một ngăn kéo riêng của mình, trong đó các em để đồ dùng cá nhân. Xung quanh phòng đều treo bảng lớn, tạo nhiều không gian cho trẻ tập vẽ và viết chữ. Trên tường cũng dán nhiều tranh ảnh yêu thích của bọn trẻ, những tranh ảnh này thường xuyên

được thay đổi. Phòng vui chơi là nơi bọn trẻ nói chuyện, chơi đùa và cùng hát múa. Ngoài ra, các em cũng có phòng ăn và phòng thay quần áo riêng.

Trong khung cảnh - môi trường này, trẻ hoàn toàn là "*chủ nhân*" và là những chủ nhân rất hăng say hoạt động. Thời gian hoạt động mỗi ngày từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều, gồm cả việc giao lưu, trao đổi với bè bạn, vệ sinh tắm rửa, vận động thân thể, ăn cơm, ngủ trưa, lao động, ca hát, chăm sóc động, thực vật và các hoạt động học tập, rèn luyện cảm quan, phát triển trí tuệ. Việc học tập - làm việc của bọn trẻ không bị hạn chế về thời gian và do chính trẻ tự quyết định, tự sắp xếp.

Như vậy là "*môi trường chuẩn bị*" đối với trẻ là nơi thực sự đáp ứng và thoả mãn được các nhu cầu nội tại, là nơi để trẻ hoạt động, luyện tập, là môi trường tràn đầy tự do, tình yêu, sự quan tâm chăm sóc và những niềm vui.

ăm 1920, người ta phát hiện ra hai "*bé gái - chó sói*" ở vùng Đông Bắc đất nước Ấn Độ, một em tám tuổi và một em mới hai tuổi. Hai em bé này từ nhỏ ở chung với chó sói, vì thế, mọi thói quen sinh hoạt đều giống chó sói. Cả hai em bé đều không biết nắm giữ các đồ vật bằng tay, ban đêm thường không ngủ, không biết nói và chỉ phát ra những âm thanh như tiếng hú của chó sói. Các em không biết đứng thẳng và đi bằng hai chân nhưng có thể leo trèo rất tốt, thậm chí đôi tai còn động dậy được như chó sói. Sau đó, người ta đã hết sức cố gắng nuôi nấng các em. Bé gái 8 tuổi chỉ sống được đến năm 17 tuổi, và cho dù được sống trong 9 năm của văn minh loài người, em bé này vẫn chưa bao giờ trở thành một "*con người*" theo đúng nghĩa của nó.

Trường hợp hiếm hoi này giúp chúng ta nhìn nhận được hai thực tế: *Thứ nhất*, hai em gái bản chất là "*con người*" nhưng từ nhỏ không được sống trong môi trường của con người cho nên không thể phát triển theo những đặc trưng của con người. *Thứ hai*, con người có khả năng thích ứng với môi trường. Để sinh tồn, con người buộc phải thích ứng với môi trường và phát triển theo những đặc trưng do môi trường quy định.

Trước sau, *Phương pháp giáo dục Montessori* luôn luôn đề cao những ảnh hưởng từ phía môi trường đến sự phát triển của trẻ em. Môi trường giống như “đầu não” của nhân loại, nơi sẽ đưa ra những hiệu lệnh chỉ đạo sự phát triển tâm sinh lý của mỗi con người. Theo Montessori, “môi trường” thực sự có vai trò quyết định hơn “di truyền”. Phẩm chất trí tuệ thông minh hay ngu dốt phần nhiều là do môi trường hơn là vì di truyền!

Từ phương diện trưởng thành của mỗi cá thể, chúng ta thấy mỗi cá thể trong quá trình lớn lên luôn luôn tìm cách thích ứng môi trường, nếu không thích ứng với môi trường thì năng lực vốn có của con người không những không thể phát triển mà sẽ tàn lụi, thậm chí đi đến biến mất hoàn toàn như trường hợp của hai em bé - chó sói nói ở trên.

Những ảnh hưởng của môi trường đến cá thể là rõ ràng, chúng ta có thể nhìn vào hiện tượng ngôn ngữ chẳng hạn. Các bà mẹ thường không muốn con cái nói những lời thô lỗ, nhưng một số đứa trẻ vẫn tiếp tục phát ngôn những lời nói chướng tai kiêu này - đây là một hậu quả tác động từ phía môi trường. Hoặc một trường hợp khác, trẻ được sinh ra, lớn lên ở đất nước sử dụng tiếng Anh, nhưng gia đình của trẻ sinh sống trong khu cộng đồng người Mêhicô nói tiếng Tây Ban Nha, vì thế mà trẻ có thể nói được những câu, những từ trong thứ ngôn ngữ mà chính bố mẹ chúng cũng

không biết. Người lớn không dạy bọn trẻ nhưng bọn trẻ có thể thông qua môi trường sống xung quanh mà dần dần lĩnh hội được.

Montessori còn lấy một ví dụ khác rõ rệt hơn: *“Một em bé khi vừa chào đời đã bị mẹ bỏ rơi, vậy thì khi lớn lên, tất cả những gì em bé có được và học hỏi được hoàn toàn không liên hệ và phụ thuộc vào người mẹ đã sinh ra em”*.

Như vậy, hiển nhiên là con người từ khi sinh ra đã hình thành bản năng thích ứng môi trường. Bản năng này không chỉ giúp con người sinh tồn mà còn là động lực thúc đẩy phát triển. Điều đó cũng có nghĩa là những phát triển trí lực, thể lực của con người cũng xuất phát từ lý do thích ứng môi trường vậy!

Nói riêng về sự phát triển trí tuệ của con người, ngoài những ảnh hưởng nhất định của yếu tố *“di truyền”*, khả năng thích ứng đến đâu giữa con người với môi trường là một trong những nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy sự phát triển trí lực nhanh hay chậm, cao hay thấp. Montessori cho rằng:

“Sự phát triển trí lực của con người và môi trường có mối quan hệ tỷ lệ thuận”. Nói một cách khác, nếu được tạo lập một môi trường năng động, nhiều *“kích hoạt”* thì trẻ cũng sẽ chăm chỉ, nỗ lực để cố gắng *“thích ứng”* với môi trường đó. Tốc độ và phẩm chất trí lực của trẻ cũng theo đó mà chậm tiến hay vượt trội.

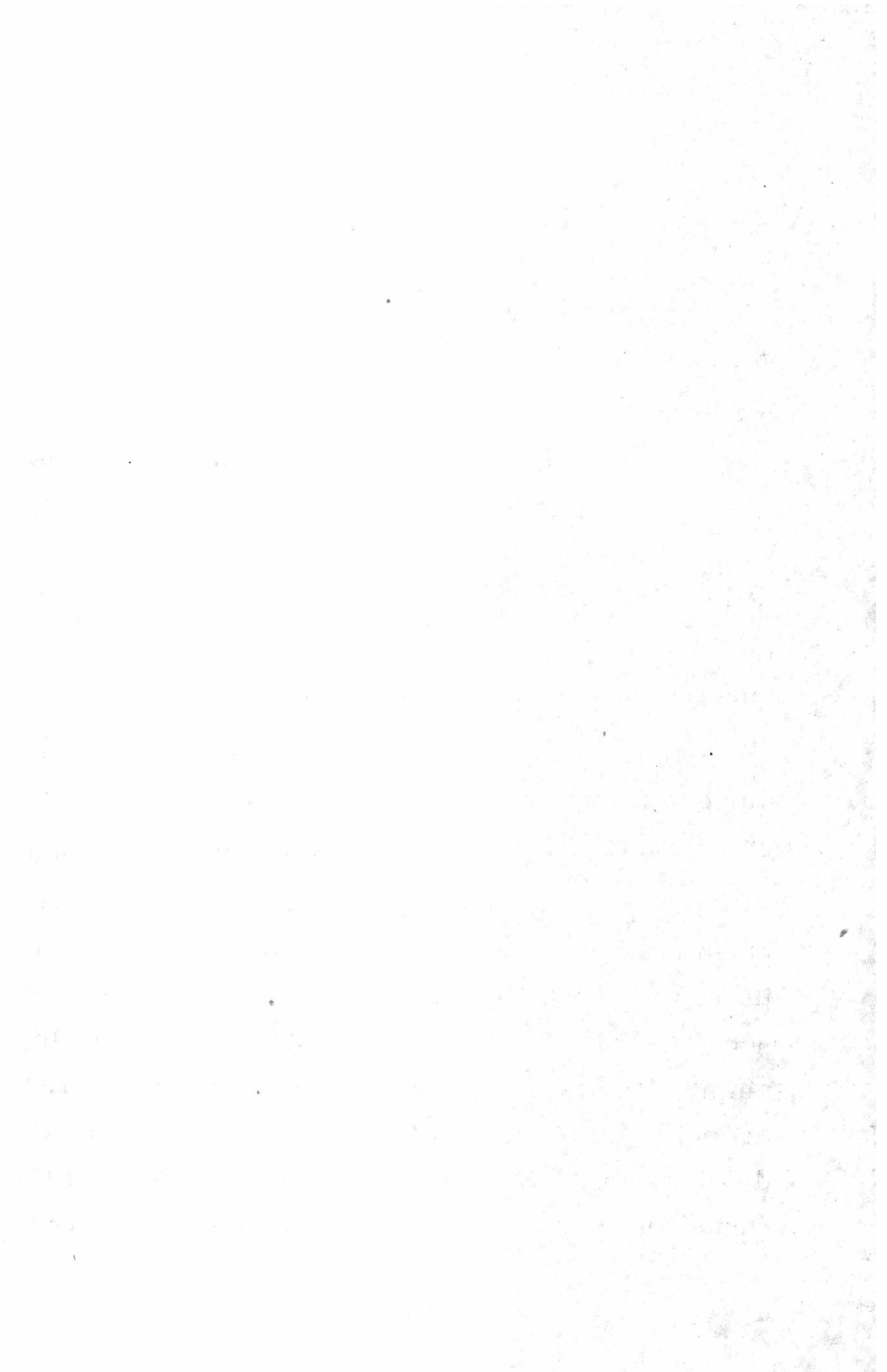
"Lấy trẻ làm trung tâm của giáo dục" là một quan điểm tiến bộ và cách mạng của Montessori. Bằng con mắt quan sát khoa học, bà đã phát hiện ra *"bí mật"* trưởng thành của trẻ. Sự trưởng thành của trẻ là một quá trình mang tính tổng hợp, một quá trình cần tới sự kết hợp mật thiết giữa *"môi trường"*, *"người thầy"* (người lớn) và *"trẻ em"*. Phát huy hiệu quả mối liên hệ này nhất định sẽ thu được thành quả giáo dục tốt đẹp.

Chịu ảnh hưởng khá mạnh mẽ từ các quan điểm của Rousseau, Bergson... và những quan điểm tôn giáo, Montessori cũng thừa nhận mỗi con người bên cạnh việc có một thân xác còn có một sinh mệnh nội tại tràn đầy sức sống.

"Sinh mệnh nội tại tràn đầy sức sống" này là *"một vật rất khó nắm bắt"*, chức năng của nó giống như các tế bào sinh thực, là cơ sở phát triển của cá thể. Bà cho rằng con người ta gặp phải một vấn đề rất lớn là *"không ý thức được quy luật phát triển của bản thân sinh mệnh"*, trong khi *"trẻ em có sinh mệnh tinh thần tích cực"* thì người lớn hoặc vô tình hoặc cố ý đã *"chèn ép"* tính tích cực này, vì thế mà giáo dục sa vào hàng loạt sai lầm.

Vì quá đề cao đến sự phát huy mang tính nội lực của tinh thần nên khi đề cập đến những ảnh hưởng từ phía môi trường, Montessori tuyên bố: *"Môi trường thực sự là nhân tố thứ hai ảnh hưởng tới sinh mệnh. Môi trường*

có khả năng cải biến, tức là có thể thúc đẩy hoặc hãm chế, nhưng không bao giờ mang khả năng sáng tạo". Tuy nhiên, luận điểm này chỉ là một khía cạnh. Một mặt khác, qua kinh nghiệm và quá trình nghiên cứu thực tế lâu dài, Montessori tin tưởng rằng môi trường rất quan trọng với sự phát triển trí lực, tâm lý của con người và vì thế quyết không thể coi nhẹ yếu tố này.



ề cao việc rèn luyện cảm quan (cũng gọi là “*cảm giác*”) với bồi dưỡng trí lực là một nội dung giáo dục quan trọng của “*ngôi nhà tuổi thơ*”, cũng là một điểm lớn của phương pháp giáo dục Montessori.

Trong cuốn sách *Phương pháp giáo dục Montessori*, có thể ước tính đến một phần tư dung lượng dành cho vấn đề giáo dục cảm quan và giáo dục tri thức có mối liên hệ mật thiết với giáo dục cảm quan. Sở dĩ phương pháp giáo dục Montessori rất coi trọng giáo dục cảm quan vì những lý do sau đây:

- Trẻ thơ là thời kỳ nhạy cảm của mọi giác quan, bỏ qua thời kỳ này tức là bỏ qua cơ hội kích thích và “*mài giũa*” độ nhạy bén của các giác quan của trẻ;

- Cảm giác là cánh cửa của tâm hồn, cảm giác đương nhiên có vị trí vô cùng hệ trọng với sự phát triển trí lực của trẻ. Theo Montessori, các em nhỏ trước khi vào học tại “*ngôi nhà tuổi thơ*” đều tích lũy và hấp thụ những “*ấn tượng tạp nham*” một cách không định hướng. Trong khi đó, hoạt động trí lực nhất thiết chỉ được xây dựng trên nền tảng sáng sủa của tư duy, điều chỉnh “*ấn tượng*” ở các em là bước khởi đầu cho phát

triển trí lực. Giáo dục cảm quan là phương pháp hướng vào việc "*điều chỉnh*" này;

- Bà tin tưởng rằng phẩm chất thấp kém hạn chế của trí lực không thuộc về nhiệm vụ trị liệu sinh lý mà là vấn đề của giáo dục. Thông qua giáo dục cảm quan, trẻ có thể bổ sung và hoàn thiện những thiếu hụt về độ nhạy bén của cảm giác có ảnh hưởng đến sự phát triển của trí lực. Chỉ cần kịp thời phát hiện những thiếu hụt này, nhất là có thể tiến hành bổ sung ngay trong giai đoạn "*cảm quan nhạy bén*" thì việc khắc phục là hoàn toàn thực hiện được.

Phương pháp giáo dục Montessori đề cao giáo dục cảm quan, trong đó bao gồm việc rèn luyện thính giác, thị giác, khứu giác, vị giác, xúc giác; bài tập trọng yếu nhất là xúc giác. Montessori cho rằng:

"Em bé thường sử dụng xúc giác thay thế thị giác và thính giác để nhận biết xung quanh, cho nên rèn luyện xúc giác là rất quan trọng".

ề vấn đề dạy trẻ học đọc, viết và làm toán, nhiều nhà tâm lý học cho rằng nhiệm vụ chủ yếu của trẻ là vui chơi, hoạt động và thông qua các hình thức đó để tích lũy kinh nghiệm, vì vậy, không cần sớm cho trẻ học tập văn hóa. Quan điểm của Montessori hoàn toàn ngược lại. Bà cho rằng trẻ từ ba đến sáu tuổi đã đầy đủ năng lực để tiếp nhận việc học tập văn hoá, vấn đề quan trọng chỉ là cần có phương pháp, giáo cụ và nội dung giảng dạy thích hợp.

Trong “*ngôi nhà tuổi thơ*”, Montessori đã thực hiện một cách thức khá kỳ lạ, đó là tiến hành dạy trẻ học viết trước khi học đọc. Theo bà, năng lực viết chữ gắn liền với khả năng cầm bút, tức là có vấn đề “*sự kiểm soát của thể chất*”. Vì điều này, bà thực hiện việc rèn luyện xúc giác chuyển dần sang luyện tập khả năng viết chữ cho trẻ.

Phương pháp giúp trẻ nhận diện và ghi nhớ chữ viết của Montessori có những điểm rất đáng chú ý. Đầu tiên, trẻ được luyện tập những động tác mang tính cơ giới là cầm bút, sử dụng bút - việc này mang tính chất tập luyện thể chất. Việc luyện tập này dựa trên cơ

sờ sờ chuẩn bị trước đó thông qua các hoạt động làm thủ công và vẽ tranh. Bước thứ hai là nắm vững hình thể của chữ cái, đại khái có ba khâu nhỏ như sau:

- Kết hợp các luyện tập nhìn (thị giác), nghe (thính giác) và sờ mó, tiếp xúc (xúc giác) để hiểu về hình thể chữ cái, chẳng hạn, sử dụng giấy nhám cắt thành hình các chữ cái lớn, sau đó dán những chữ này lên bìa cứng, tiếp đó để trẻ trực tiếp nhìn, sờ vào chữ cắt trên giấy, nghe giảng giải và phát âm theo;

- Nhận biết hình thể các chữ cái khác nhau, tức là khi được nghe một âm đọc của chữ cái bất kỳ, trẻ phải nhận diện một số chữ cái đang có trong tay và chọn đưa ra;

- Ghi nhớ hình thể của chữ cái. Ví dụ, cô giáo để một số chữ cái trên bàn, sau vài phút chỉ vào từng chữ và hỏi trẻ đây là chữ gì.

Thông qua những bước trên, khi trẻ đã ghi nhớ hình thể của chữ, có thể cho trẻ cầm bút, bắt đầu là tập tô rồi dần dần tập luyện viết chữ.

Tiến một bước nữa là việc dạy trẻ nắm bắt từ và các từ tổ. Tiếng Ý nói chung cũng có thể đánh vần được, vì vậy khi đã viết được chữ cái thì các em nhỏ cũng rất nhanh chóng học được từ và các từ tổ.

Khi kỹ năng viết đã tương đối vững vàng, các em

trong “ngôi nhà tuổi thơ” được chuyển sang học đọc. Việc học đọc và học làm toán tuyệt đối tuân theo nguyên tắc từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, có khi cần đến những viên dẫn từ thực tế cuộc sống nhưng chủ yếu vẫn là nhờ vào các giáo cụ học tập.

Tư tưởng lý luận và những kết quả thực tế Montessori đạt được đã chứng minh rõ ràng quan điểm của bà: Thời kỳ nhạy bén của trẻ với việc học đọc, viết và làm toán thật sự đến sớm hơn điểm mốc sáu tuổi như người ta vẫn thường nghĩ.

Rất nhiều người thường nghĩ trẻ còn quá nhỏ và chắc là còn rất lâu mới có khả năng tiếp thu tri thức này hoặc kiến thức kia. Thế nhưng, nếu kỹ lưỡng tìm hiểu phương pháp giáo dục Montessori, chắc chắn không ít người phải thay đổi quan điểm vốn ăn sâu cắm rễ của bản thân mình.

hướng pháp giáo dục Montessori trước sau lấy việc rèn luyện sự kết hợp nhịp nhàng giữa đôi tay và trí não làm một trọng điểm.

Những hoạt động rèn luyện này, theo cách nói của Montessori, được gọi là "*công việc của trẻ*". Montessori cho rằng trẻ được tự do thì sẽ "*vận động - làm việc*", vận động là cơ sở của mọi hoạt động sống, việc rèn luyện các vận động này có mục đích phát triển trí lực. Nếu ở từng độ tuổi thích hợp, trẻ được rèn luyện các vận động điều khiển đôi tay ăn khớp với sự chỉ huy của não bộ thì những nhu cầu nội tại của trẻ được đáp ứng và trẻ nhờ đó đạt được bước phát triển trí lực. Quá trình này cũng đưa đến cho trẻ một năng lực hữu ích trong cuộc sống - khả năng phối hợp hài hoà.

Hướng dẫn trẻ "*vận động*" là một công việc không đơn giản. Bởi vì để vận động, đầu tiên, trẻ cần sự phối hợp nhịp nhàng của mọi động tác. Nếu như không có sự dạy dỗ đúng phương pháp, "*động tác*" của trẻ sẽ rơi vào tình trạng "*rối loạn, tùy tiện*". Hậu quả của sự không phương pháp này thường được gọi là biểu hiện "*ngịch ngợm*", "*không nghe lời*" ở trẻ.

Khi trẻ có một vận động, người lớn thường hay có

những câu nói đại loại như: “*Đừng huơ chân múa tay loạn xạ lên thế!*” hoặc: “*Đừng nghịch ngợm lung tung nữa!*”

Thế nhưng, chính người lớn chúng ta đã vô tình không ý thức được rằng “*huơ chân múa tay*” là lúc trẻ đang cố gắng điều chỉnh cho nhịp nhàng một tổ hợp động tác nào đó. Những lời trách móc như vậy là cản trở trẻ vận động, cũng là cản trở con đường đi tới phát triển trí lực của trẻ.

Montessori đề xuất điều chúng ta cần làm là biết cách ra mệnh lệnh chỉ huy các động tác của trẻ, mục đích nhằm đưa động tác của trẻ vào quy tắc và trật tự, giúp trẻ nhận thức được động tác chúng muốn thực hiện. Để làm được điều này thì các bài tập rèn luyện “*thể chất*” là điều kiện vô cùng cần thiết. Chỉ khi trẻ hiểu rõ “*động tác*” cần thực hiện, nhuần nhuyễn được kỹ năng thực hiện các động tác trẻ mong muốn, hiện tượng “*huơ chân múa tay loạn xạ*” sẽ không xuất hiện nữa.

Những nội dung giáo dục cảm quan, giáo dục khả năng đọc, viết và làm toán trong “*ngôi nhà tuổi thơ*” của Montessori ở bước đầu đều thực hiện có sự can thiệp của các bài tập “*động tác - thể lực*”. Bên cạnh giáo dục cảm quan, giáo dục khả năng đọc, viết và làm toán - được gọi là “*giáo dục rèn luyện phát triển*” thì “*giáo dục động tác*”, “*giáo dục thể lực*” cũng là những nội dung

quan trọng, trong đó đặc biệt là vấn đề rèn luyện các kỹ năng của cuộc sống hằng ngày.

Việc rèn luyện các kỹ năng đời sống hằng ngày ngoài mục đích tự thân, về phương diện hình thành tính cách, cũng đóng vai trò tích cực. Thông qua quá trình rèn luyện này, trẻ được bồi dưỡng tinh thần tự lập, chăm chỉ, trật tự và biết phối hợp hài hoà. Năng lực giao tiếp xã hội cũng có cơ sở hình thành từ các bài tập này. Chẳng hạn, khi một em nhỏ đang thực hành tưới cây hoa, em bé khác cũng muốn làm việc này, nhưng lúc đó chỉ có một bình tưới nước thì em bé thứ hai nhất định phải *“chờ đợi đến lượt của mình”*. Trong các hoạt động này, các em nhỏ cũng làm quen và dần dần hình thành thói quen sống lễ phép, lịch sự, biết quan tâm và hoà đồng với bè bạn.

Giáo dục các kỹ năng đời sống hằng ngày luôn được coi trọng trong phương pháp giáo dục Montessori. Nhờ vào nội dung giáo dục này, Montessori đưa các em nhỏ vào mô hình rèn luyện:

“Trật tự” → “Chăm chỉ chuyên tâm” → “Tập luyện nhiều lần” → “Phối hợp nhịp nhàng, hài hoà”.

Sự thành công của quá trình rèn luyện trên chính là cơ sở để đi vào những nội dung giáo dục mang tính phát triển như giáo dục cảm quan, giáo dục khả năng viết, đọc và làm toán.

Nhằm phục vụ nội dung rèn luyện thể lực, rèn luyện động tác, trong “ngôi nhà tuổi thơ”, Montessori thiết kế nhiều bài tập như chạy bộ, hít thở đúng cách, tập nói năng cho đến những việc như mở ngăn kéo, khoá cửa, mở cửa, buộc dây giày, đọc sách... Dưới sự hướng dẫn của Montessori, khi thực hiện các bài tập này, trẻ được yêu cầu khá cao, không chỉ cần đạt được mục đích của mỗi hoạt động mà từng khâu, trong đó phải được thực hiện chuẩn xác, đúng phương pháp và nhanh chóng.

Ngoài ra, việc rèn luyện thể lực, luyện tập động tác còn được triển khai ở một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, vì quan niệm về nhu cầu phát triển tự do, tự nhiên của trẻ nên Montessori cho rằng trẻ cần được hoạt động nhiều ở môi trường tự nhiên ngoài trời và việc này đem lại những ích lợi như:

- Giảm thiểu những trói buộc của cuộc sống xã hội tới trẻ;
- Phù hợp với sở thích và có lợi cho sức khoẻ của trẻ;
- Có tác dụng tích cực với việc rèn luyện năng lực phối hợp động tác hài hoà, nhịp nhàng;
- Góp phần phát triển trí tuệ của trẻ. Điều này biểu hiện rõ rệt ở cảm nhận, năng lực quan sát, khả năng nhận biết sự giống, khác nhau giữa các vật, kích thích

trẻ khám phá cuộc sống và tinh thần ham hiểu biết;

- Phát triển năng lực dự tính, phán đoán cho trẻ.

Montessori cho rằng trẻ thường chỉ nhận biết sự vật trước mắt mà không lường tính kết quả phía sau. Tuy nhiên, thông qua các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên, trẻ dần dần nhận biết các hiện tượng nhân - quả, chẳng hạn cây cối cần được chăm sóc, chúng lớn lên nhờ nước tưới và ánh sáng mặt trời hoặc có khi héo mòn và khô chết...

Thứ hai, trong các hoạt động rèn luyện đôi tay, “nặn đất” là nội dung rất hiệu quả. Trẻ được tự tay nặn đất thành các bình hoa nhỏ hoặc những viên gạch nhỏ tùy theo sở thích. Sau đó, các sản phẩm của trẻ được cho vào lò nung, thậm chí còn được tráng men. Trẻ chắc chắn sẽ rất thích thú khi ngắm những bình hoa màu sắc hoặc có hình vẽ do chính mình làm ra. Với những viên gạch men, trẻ được dùng bay và vữa để xây thành bức tường nhỏ ngoài vườn...

Thứ ba, với việc dạy học viết, Montessori sử dụng phương pháp chuẩn bị cho trẻ thông qua tập vẽ tranh. Vẽ tranh được coi là “biện pháp gián tiếp” đối với học viết chữ. Cách làm cụ thể: bà cho chuẩn bị nhiều hình khối khác nhau, trẻ dùng tay cầm, sờ vào bề mặt của đồ vật, sau đó đặt đồ vật lên trên giấy, dùng bút khoanh theo hình thể đồ vật và cuối cùng là tô màu.

Thứ tư, theo Montessori, trẻ từ ba đến sáu tuổi là thời kỳ quan trọng về phát triển thể lực, trong nhiều loại hình thể dục, thích hợp hơn cả là "chạy bộ". Một yêu cầu của "chạy bộ" là phải giữ được thăng bằng cho cơ thể. Để rèn luyện khả năng giữ thăng bằng này, Montessori thiết kế riêng một loại "đường chạy". Đường chạy này gồm đường thẳng, đường hình elip và đường hình số 8. Đường chạy nên được bố trí ở một bãi đất thoáng rộng, sử dụng phấn và sơn để vẽ các đường vạch theo đúng yêu cầu. Trẻ được yêu cầu đi theo các vạch sơn kẻ sẵn theo cách giống như diễn viên xiếc đi trên dây, nghĩa là bước chân trước tiếp liền bước chân sau, các bước chân luôn đi trên vạch sơn. Trong bài tập này, người hướng dẫn không cần giảng giải nhiều về cách thức, tốt nhất là làm mẫu cho các em xem, sau đó để các em tự thực hiện.

Thứ năm, nhằm rèn luyện khả năng phối hợp hài hòa, Montessori sử dụng những bài tập với "tiết tấu". Đầu tiên là cho trẻ vừa nghe nhạc vừa đi bộ, chạy hoặc nhảy, sau đó để trẻ thực hiện các động tác mang tính tiết tấu theo nhịp điệu của nhạc. Trên cơ sở này, người hướng dẫn giúp đỡ các em phát triển thành các tổ hợp động tác với những tiết tấu phức tạp và hấp dẫn hơn. Tất nhiên, kết quả này chỉ đạt được thông qua việc tập luyện nhiều lần với sự kiên trì, nỗ lực.

Thông qua một số hoạt động trên, ngoài mục đích

ban đầu là giúp trẻ nắm được những kỹ năng cơ bản của đời sống hằng ngày, một ý nghĩa quan trọng hơn là để trẻ thấy được nhiều việc khi người lớn làm được, chúng cũng có thể làm được, nhờ đó trẻ nâng cao tinh thần tự tin, tự chủ với mọi hành vi hoạt động của mình trong cuộc sống.

rong nhiều lần diễn thuyết về phương pháp giáo dục của mình, Montessori thường nhắc đến một câu nói “*thể hiện tâm nguyện của bạn trẻ*”: “*Hãy giúp đỡ con, để con tự làm!*” (Help me to do by myself!). Nhiều bố mẹ thường chăm sóc con cái quá mức cần thiết, việc gì cũng làm hộ, làm thay bạn trẻ. Trong khi bố mẹ cho rằng đó là cách thể hiện tình yêu thương với con cái thì chính con trẻ hầu như không có nhu cầu đó. Trẻ em, ngay từ lúc bắt đầu biết đi đã luôn luôn thích “*tự lập*”.

Sau khi chào đời, em bé thật sự cần sự quan tâm chăm sóc thương yêu của bố mẹ, không chỉ là việc bế, ẵm, bú, mớm mà cả những bảo trợ về tinh thần, tâm lý. Em bé nhờ đó mà lớn lên, nhưng sự lớn lên này hàm chứa một mục tiêu nào đây? Mục tiêu đó đơn giản và tự nhiên chính là “*tự lập*” - tự lập nghĩa là càng vững vàng, càng thoát dần những bảo trợ từ phía bố mẹ. Trẻ biết đi, rồi có thể chạy, dần rời xa vòng bao bọc của bố mẹ để vươn hai tay “*sờ nắm*” thế giới, sải đôi chân tới những mảnh đất muốn tới...

“*Luận điểm về sự trưởng thành độc lập của con trẻ*” của Montessori được trình bày với mấy phương diện sau:

Thứ nhất, “tự lập” là mục tiêu của sự trưởng thành, có khả năng trở nên tự lập là người đầy đủ năng lực phát triển sinh mệnh bản thân.

Thứ hai, “tự lập” là điều kiện tất yếu của sự trưởng thành, khả năng “tự lập” tiêu biểu cho sự thành thực của các cơ quan chức năng tâm sinh lý.

Con đường trưởng thành là dài lâu nhưng có thể tác động thúc đẩy sự thành thực của các cơ quan chức năng tâm sinh lý để tiến tới mục tiêu “trở thành người tự lập”. Tất nhiên, sự thành thực của các cơ quan chức năng tâm sinh lý này phụ thuộc vào lứa tuổi và yêu cầu phát triển tuần tự của tự nhiên. Ngoài hai nhân tố này, sự giúp đỡ của bố mẹ (người lớn) cũng góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển. Giúp đỡ nhưng nhất thiết không được làm hộ, làm thay! Chẳng hạn, khi trẻ thực hiện một thao tác nào đó còn chậm chạp, người lớn hãy kiên nhẫn chờ đợi vì trẻ đang ở lúc luyện tập. Đừng nôn nóng có ngay sự giúp đỡ, như vậy chỉ phá đi những cơ hội rèn luyện “tự lập” của trẻ mà thôi. Bố mẹ không nên can thiệp khi chưa cần thiết, cũng không nên chỉ đạo hướng dẫn dài dòng mà cần hơn là hãy bày tỏ sự đồng tình, động viên và khuyến khích trẻ “tự thực hiện” công việc đang làm.

Montessori khẳng định rằng thời kỳ trẻ thơ không có nghĩa là một thời kỳ quá độ lên người lớn. Trẻ thơ

và người lớn căn bản vẫn là hai cực hoàn toàn khác nhau. Lý do chính là vì người lớn đã đi đến bước trưởng thành "*hoàn toàn*", tiềm năng phát triển về cơ bản đã cố định, thậm chí trí lực có phần theo hướng giảm sút. Trong khi đó, tình hình ở trẻ em không những chưa ổn định mà thể hiện "*tính biến động*" rất lớn. Tiềm năng phát triển trí lực ở trẻ còn rất mạnh mẽ và tốc độ phát triển cũng đang ở thời kỳ nhanh chóng. Người lớn vì đã "*định hình*" (ổn định, ít biến động) nên khi hành động, ứng xử thường đi theo mô hình, tiêu chuẩn, cách suy nghĩ mang tính chất "*định hình*" này. Cũng vì thế, người lớn không chỉ không quan tâm mà thường lấn át, áp đặt lên trên cách tư duy, hành vi cho đến mọi phương diện còn "*chưa định hình*" và "*nhều biến động*" của trẻ. Muốn hiểu trẻ, chúng ta cần quan sát các nguyên tắc phát triển trưởng thành của trẻ, "*đò tìm*" nhu cầu nội tại, từ đó có phương thức thích hợp trong ứng xử với trẻ - đó gọi là người lớn cần "*học cách hiểu ý nguyện của trẻ*".

Montessori cho rằng, con người và động vật đều cần sự thích ứng môi trường để sinh tồn và phát triển. Nhưng con người khác động vật ở điểm các bản năng không biểu hiện ngay sau khi chào đời. Trong khi động vật có thể lập tức đạt được nhiều sự phối hợp hài hoà đồng tác thì mỗi em bé sơ sinh phải trải qua thời gian, bản thân tương tác với môi trường, tích lũy kinh nghiệm để thiết lập "*các cơ cấu tổ chức nội tại*".

Theo Montessori, con người có hai thời kỳ "*thai nhi*", một thời kỳ phát triển trong bụng mẹ - đây là thời kỳ phát triển sinh lý; và một thời kỳ phát triển tinh thần, tâm lý. Trong hai giai đoạn trên, giai đoạn sau mang đặc trưng chỉ con người có được. Giai đoạn này bắt đầu từ khi em bé chào đời đến lúc ba tuổi và là thời kỳ hình thành tâm lý, tính cách của mỗi em bé. Cùng chung cách thức phát triển của giai đoạn trước, ở giai đoạn sau, em bé cũng bắt đầu từ không đến có, nhờ vào nội lực sinh mệnh và các động cơ năng lực sáng tạo để phát triển, thông qua tiếp thu các kích thích, ấn tượng từ ngoại giới, tích lũy và tạo lập những tụ điểm cảm nhận cũng như mọi dữ liệu cần thiết cho tâm lý, nhờ cơ sở đó để hình thành nên hoạt động tâm lý.

Cũng như phương diện sinh lý, tâm lý trưởng thành qua một thời gian cá thể tự nỗ lực trong tương tác với ngoại giới. Lý luận của Montessori thường nhắc đến “*kế hoạch dự định phát triển*” mang tính tiên thiên. Em bé sau khi chào đời, trước xã hội rộng lớn và đầy mới lạ, làm thế nào để thực hiện được “*kế hoạch dự định phát triển*” của mình?

Montessori giải thích, sau khi chào đời, em bé đứng trước thế giới rộng lớn này, để dần dần thích nghi vì mục đích sinh tồn, em bé rất cần một “*lực lượng*” (chữ dùng của Montessori) giúp đỡ. Lực lượng này giúp đỡ các em lựa chọn những cần thiết cho sự phát triển nhưng để các em chủ động thưởng thức, sờ nắm, nhận biết, lĩnh hội và học tập về “*thế giới người*”.

Điều đáng chú ý là những mẫn cảm nhạy bén nội tại của trẻ không phải là mãi mãi, đến khoảng sáu tuổi sẽ xuất hiện xu thế giảm dần. Cái gọi là “*nội tại*” ở đây bao gồm “*tâm trí có khả năng hấp thụ*” và “*năng lực mẫn cảm*”.

Theo Montessori, sự trưởng thành của trẻ phụ thuộc vào động cơ tiềm tàng nội tại, nhưng mặt khác, bà lại cho rằng sự phát triển này không thoát ly những ảnh hưởng, tương tác của ngoại giới. Trẻ có năng lực cảm thụ vô thức, năng lực phân biệt đặc biệt được gọi là “*tâm trí có khả năng hấp thụ*”. Điều này có nghĩa là trẻ thông qua tiếp xúc và liên hệ tình cảm với môi trường

xung quanh (bao gồm cả người và vật trong đó) để “hấp thụ” các ấn tượng, là cơ sở hình thành tâm lý, cá tính và mô thức hành vi. Montessori cho rằng năng lực hấp thụ tự nhiên là điểm riêng của con trẻ mà người lớn không có được và những “ấn tượng” trẻ hấp thụ được trong năm tháng bé thơ sẽ được bảo lưu phần lớn, thậm chí ảnh hưởng tới cả cuộc đời. Chính vì vậy, tạo môi trường phong phú các “trữ liệu hấp thụ” cho thời kỳ hình thành tâm lý của trẻ là nhiệm vụ cần thiết và quan trọng của cha mẹ, những người làm công tác giáo dục và cả hệ thống giáo dục.

Đối với người lớn, đứng trước một sự vật mới mẻ, có thể sử dụng kinh nghiệm có sẵn để phát huy, lĩnh hội. Chẳng hạn, khi bạn lần đầu tiên tới châu Phi, bạn nghe và không hiểu những âm thanh tiếng nói của người dân bản xứ, bạn sẽ có ngay phán đoán: “Đó là ngôn ngữ của đất nước này”... Trong khi tình hình với trẻ em hoàn toàn không như vậy, trẻ em chào đời và chưa có kinh nghiệm nào cả đối với xung quanh. Trẻ em tiếp nhận xung quanh không thông qua kinh nghiệm và phán đoán dựa vào kinh nghiệm mà bằng “sự hấp thụ vô thức”, nói cách khác là gần giống như máy ảnh “chụp lại” toàn bộ những ấn tượng của em bé đối với thế giới mới mẻ. Quá trình này diễn ra dần dần và mang tính tích lũy. Em bé hầu như chỉ chuyển từ “hấp thụ vô thức” sang “hấp thụ có ý thức” khi đến tuổi lên ba. Điều này

cũng có nghĩa là các khả năng được xác lập trong giai đoạn trước ba tuổi, sau đó các khả năng sẽ bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ. Ví như em bé khi vừa sinh ra tuy chưa biết nói nhưng luôn luôn lắng nghe người lớn nói chuyện, nghe những âm thanh tiếng nói đập vào tai và hấp thụ vô thức các ấn tượng về tiếng nói. Đến khoảng hơn một tuổi, em bé bắt đầu học nói, và khả năng nói sẽ phát triển một cách nhanh chóng rõ rệt.

Học hỏi tri thức nhờ động lực hấp thụ của tâm lý trí tuệ không chỉ là điểm sở hữu đặc biệt của trẻ nhỏ (khác biệt so với người lớn) mà còn có tốc độ, hiệu suất vô cùng mạnh mẽ, có thể xác lập tâm lý trí tuệ từ "không" đến "có", hoàn thành bước đầu tiên để tâm lý trí tuệ từ đó phát triển đi lên.

rên cơ sở thời kỳ “*tâm trí hấp thụ*”, cũng như các loài sinh vật, con người trải qua một giai đoạn “*mẫn cảm mạnh mẽ*” với mọi kích thích từ phía môi trường. Ví dụ như với loài bướm, ấu trùng sau khi hình thành rất “*mẫn cảm*” với ánh sáng. Để luôn có nhiều ánh sáng, ấu trùng ở trên cành cây, đồng thời đó là những cành cây có nhiều lá non để đáp ứng nhu cầu thức ăn của chúng. Khi ấu trùng trở thành sâu bướm, có thể ăn những lá cây già hơn, chúng sẽ mất khả năng mẫn cảm với ánh sáng (vì lúc này không cần tìm đến những cành cây có nhiều lá non, đồng thời là nơi có nhiều ánh sáng).

Montessori cho rằng sự phát triển tâm lý của con trẻ cũng giống như cách thức trên, tức là cũng có những “*mẫn cảm*” tồn tại trong từng thời kỳ nhất định. Quá trình trẻ trưởng thành trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, mỗi giai đoạn biểu hiện một số xu thế, khả năng phát triển nào đó của tính cách, tương ứng với những biểu hiện đó là sự “*mẫn cảm*”. Khi giai đoạn với những biểu hiện xu thế, khả năng tâm lý hoàn thành thì sự mẫn cảm cũng tiêu biến.

Sự mẫn cảm trong quá trình phát triển tâm lý của

trẻ mang tính chất thời đoạn. Nếu như tác động đúng lúc, phát huy tối đa hứng thú, niềm yêu thích của trẻ, để trẻ chủ động “sờ nắm”, “bắt chước” và “học tập” cùng nhịp điệu với sự mãn cảm thì có thể đạt được thành quả rất lớn trên bước phát triển tâm lý - trí tuệ. Ví dụ, khi trẻ ở vào thời kỳ biểu lộ năng lực mãn cảm với ngôn ngữ (chúng ta gọi là “*thời kỳ mãn cảm ngôn ngữ*”), trẻ sẽ cảm thấy vô cùng hứng thú với ngôn ngữ, trẻ thường bắt chước cách dùng từ ngữ của người lớn, vốn từ vựng có sự gia tăng rõ rệt và nhanh chóng. Như vậy là trong thời kỳ mãn cảm ngôn ngữ, rõ ràng trẻ không cần sách vở, không cần từ điển tra cứu nhưng thông qua môi trường và bằng hứng thú ngôn ngữ đã nhanh chóng học được nhiều phần của ngôn ngữ. Một ví dụ khác là việc trẻ tập đi, sau đó là chạy. Trẻ chỉ đi được khi đến thời kỳ mãn cảm với năng lực này và việc “*học đi, tập đi*” tự nhiên tự giác hình thành.

Như vậy là đối với việc phát huy các năng lực của trẻ, chúng ta cần chú trọng “*thời kỳ mãn cảm*” của năng lực đó. Nếu bỏ qua cơ hội, muốn bổ sung phát triển năng lực cho trẻ trong thời kỳ mãn cảm đã tiêu biến, chẳng những trẻ không còn hứng thú lớn với sự học mà để đạt được hiệu quả thì công sức bỏ ra cần gấp lên nhiều lần.

Về các thời kỳ mãn cảm trong quá trình phát triển

tâm lý của trẻ, Montessori có đề xuất phân định như sau: từ sơ sinh đến năm tuổi là thời kỳ mãn cảm cảm giác; từ sơ sinh đến khoảng sáu tuổi là thời kỳ mãn cảm động tác; thời kỳ mãn cảm về tính chất trật tự bắt đầu từ một tuổi đến khoảng bốn tuổi; thời kỳ mãn cảm ngôn ngữ từ khoảng hai tuổi đến tám tuổi.

Ở mỗi thời kỳ phát triển tâm lý, trẻ có những cảm nhận đặc thù. Những cảm nhận đặc thù này làm cho trẻ có sự mãn cảm ở phương diện này hoặc phương diện khác với môi trường xung quanh.

Mãn cảm được hiểu là khả năng tập trung quan sát, sự nhạy bén, sự kiên nhẫn, nhạy bén, sự chuyên tâm đối với một đối tượng nào đó.

Montessori khẳng định sự chuyên tâm tập trung này không đơn thuần chỉ là hiếu kỳ, tò mò. Hiện tượng này xuất hiện trong thời đoạn xác định, sự hứng thú nảy sinh do mối liên hệ giữa bản năng nội tại và đặc trưng ngoại giới. Thông qua nhiều điểm mãn cảm và các hoạt động tương tác giữa nhu cầu nội tại và môi trường xung quanh, với một nhịp điệu nhất định, trẻ sẽ dần dần hình thành nên đặc trưng cá tính bản thân từ cái thế giới đa dạng, phức tạp của loài người.

Nói về những ảnh hưởng của môi trường với các thời kỳ mãn cảm của trẻ, Montessori nhận thấy thời kỳ mãn cảm chỉ xuất hiện trong môi trường xác định, môi

trường là nơi cung cấp điều kiện tất yếu cho sự phát triển tâm lý của trẻ em. Khi môi trường và nhu cầu nội tại của trẻ hài hoà thì sự phát triển diễn ra bình thường và tự nhiên. Nếu như trong thời kỳ mãn cảm của một năng lực nào đó, trẻ không được môi trường cung ứng điều kiện cần thiết thì coi như đã mất đi cơ hội tốt nhất của sự phát triển năng lực này. Nói tóm lại, chính vì tầm quan trọng của thời kỳ mãn cảm và đặc điểm mang tính thời đoạn, nhanh biến động, người lớn chúng ta hãy nắm vững và tạo mọi điều kiện cho sự phát triển tâm lý thuận tự nhiên này.

rong một lần nói về các phương pháp giáo dục thực hiện trong “ngôi nhà tuổi thơ”, Montessori nói:

“Phương pháp của tôi không coi trọng ở bản thân hệ thống giáo dục mà là nhằm vào hiệu quả biểu hiện ở đối tượng giáo dục - trẻ em. Bản thân trẻ em đã nói lên giá trị phương pháp của tôi... ”.

“Tự do” là một nguyên tắc cơ bản mang tính khoa học của phương pháp giáo dục Montessori. Nói đơn giản hơn, Montessori cho rằng giáo dục một cách khiên cưỡng, ép buộc là vô ích và không đem lại sự giải phóng đầu óc cho trẻ em. “Tự do” là điểm cơ bản phù hợp với nhân quyền ngay từ khi mỗi con người chào đời.

Trong “ngôi nhà tuổi thơ”, Montessori luôn luôn dạy dỗ các em nhỏ trên tinh thần “tự do”. Kết quả không chỉ là loại bỏ những loạn xạ không cần thiết mà trẻ em đã rất tự giác đi vào kỷ luật trong “không khí giáo dục tự do”.

“Tự do” không có nghĩa là “buông lỏng”. Theo Montessori, để trẻ “độc lập, tự lập” là những tiền đề của tinh thần tôn trọng “trật tự”. Bà khẳng định:

“Chỉ trong trật tự, trẻ mới có thể dễ dàng thực hiện mọi công việc. Điều này cũng giống như các cơ quan trong cơ thể con người nếu trở nên rối loạn, chúng ta sẽ bị ốm, bị bệnh, thậm chí là tử vong.” Chính vì vậy, *“trật tự”* không những là một nguyên tắc quan trọng của giáo dục mà cũng là điều cần được tôn trọng trong mọi hoạt động của đời sống thường ngày.

Giáo dục *“tự do”*, theo cách giải thích của Montessori xuất phát từ việc dạy cho trẻ cách tự lập, độc lập phải đi trước một bước. Điều đó có nghĩa là cần để cho trẻ tự do *“lựa chọn công cụ”* (giáo cụ) và thực hiện *“công việc”* (các thao tác) hoàn toàn theo *“nhu cầu nội tại”* của từng em nhỏ.

Bà nhiều lần nói với các giáo viên khác:

“Điều này thật ra không khó, chỉ cần các anh, các chị yên lặng quan sát, giữ thái độ tôn trọng các hành vi của trẻ, làm sao để trẻ khi học hỏi được điều gì thì cảm thấy tự do mà không phải là cảm giác bị người lớn cản trở, can thiệp, gượng ép”.

Phương pháp giáo dục Montessori luôn luôn gắn kết *“tự do”* và *“kỷ luật”*. Trẻ hoàn toàn được tự do sắp xếp việc *“chơi”* cái gì và trong thời gian bao lâu nhưng điều kiện bắt buộc là trẻ phải tôn trọng các *“lich trình”* của *“công việc”* đã chọn lựa (ví dụ đơn giản như phải dọn dẹp đồ vật này rồi mới chuyển sang chơi đồ vật khác).

Trật tự được xác lập là điều kiện để tự do tiến hành các hoạt động. Ngược lại, trong không khí tràn đầy tự do, năng lực của trẻ mới có thể phát huy một cách lành mạnh. Trẻ sẽ không còn đối phó với giáo viên mà tự nguyện đi vào kỷ luật.

Theo lý luận phát triển năng lực trẻ em của Montessori, tiềm năng sức sống sinh mệnh của trẻ em được biểu hiện ra nhờ các *"xung động tự phát"*. Biểu hiện bên ngoài của các xung động này là *"hoạt động mang tính tự do"* của trẻ nhỏ. Montessori cho rằng giáo dục truyền thống đã sai lầm ở những cách thức áp chế các xung động tự phát, *"làm cho trẻ nhỏ giống như những mẫu bươm ép khô được đem trưng bày, chỉ luôn luôn biết im lặng và lắng nghe sự điều khiển của người lớn"*. Bà cũng phản đối sử dụng biện pháp thưởng phạt để giáo dục con trẻ. Theo bà, *"thưởng phạt"* sẽ gây ra những kích thích ảo cho sự phát triển, nó là tác động ngoại giới mà không phải sự phục tùng bản thân nhu cầu nội tại.

Montessori nhấn mạnh, *"tự do"* mới là nguyên tắc khoa học của giáo dục, cần thừa nhận cá tính và thúc đẩy cá tính tự do biểu hiện, tự do phát triển. *"Tự do"* có thể được xem là tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng của giáo dục và nếu cho rằng nghiên cứu giáo dục hiện đại nhằm vào tìm hiểu sự phân biệt cá tính thì chúng ta hãy tập trung nghiên cứu *"tự do"* của con trẻ.

Nhằm mục đích thúc đẩy các hoạt động tự do của trẻ, Montessori thiết lập môi trường giáo dục trong "ngôi nhà tuổi thơ" với "nhiệm vụ" là thay đổi quan niệm đã ăn sâu, cắm rễ của các bậc phụ huynh thường cho rằng "trẻ con biết im lặng là ngoan, ngược lại, hiếu động là không tốt". Montessori cho rằng "để trẻ tự do hoạt động" là bước đầu tiên của giáo dục. Chỉ trong tự do hoạt động, trẻ mới thể hiện đầy đủ sức mạnh bản thân, đồng thời có động lực tốt nhất để phát triển.

Song song với việc đề cao "tự do hoạt động" đối với trẻ em, Montessori khẳng định trong "ngôi nhà tuổi thơ", một vai trò quan trọng khác thuộc về "kỷ luật". Để hình thành điều gọi là "kỷ luật" ở đây, chúng ta không thể dựa vào việc sử dụng "mệnh lệnh" hay "giáo huấn". "Kỷ luật chân chính" chỉ được xác lập trên nền tảng của các hoạt động tự do, trong đó trẻ em thay vì bị động, phải được chủ động với kỷ luật.

Montessori kêu gọi: "*Hoạt động, hãy để trẻ em tự do hoạt động!*"

Đó là tư tưởng kim chỉ nam của giáo dục. Đó là bí mật của sự phát triển của trẻ em và cũng là con đường giáo dục đúng đắn cần đi theo.

hương pháp giáo dục Montessori “*lấy trẻ em làm trung tâm*”, tức là đảo ngược quan niệm giáo dục truyền thống vốn đặt trung tâm ở “*giáo viên*”. Vì sự thay đổi quan điểm nhìn nhận này, trong phương pháp giáo dục Montessori, những phẩm chất cần thiết của người giáo viên có những khác biệt lớn với giáo dục truyền thống. Ở đây, người thầy không làm nhiệm vụ “*dạy*” học sinh. Nhiệm vụ trọng yếu của người thầy là hướng đạo, điều chỉnh hài hoà mối quan hệ giữa giáo cụ, học sinh và ý nguyện học tập của các em. Montessori yêu cầu phải xuất phát từ chính “*nhu cầu*” của trẻ em để thiết kế toàn bộ môi trường giáo dục, phải căn cứ vào “*mong muốn và ý nguyện học tập*” của trẻ để sáng tạo “*giáo cụ*”, cung cấp cho các “*hoạt động*” của các em. Quan điểm của Montessori là hoàn toàn phản đối việc “*nhồi nhét*” tri thức cho trẻ em một cách khô khan, cứng nhắc. Lập trường giáo dục cần được xác lập rõ ràng là giúp đỡ sự phát triển chủ động của trẻ em, tạo điều kiện và công cụ (giáo cụ) hợp lý để trẻ em tự do và chủ động học tập. Biện pháp giáo dục là “*gợi mở*” và “*hướng dẫn*”, để trẻ vui vẻ, tự do, chủ động hoạt động trí não, khiến cho trí lực và thể chất không ngừng phát triển.

Chính vì thế, ngay trong cách dùng từ ngữ của mình, Montessori thay vì cách gọi “*giáo viên*”, bà sử dụng từ “*người hướng đạo*” (ở đây, để thuận tiện cho việc theo dõi, chúng ta tạm gọi là “*giáo viên*”).

Montessori là một nhà thực tiễn, bởi vì mọi phương pháp giáo dục dù lý tưởng đến đâu thì đích cuối cùng cũng phải là sự thể hiện ở thực tiễn. Bà đồng thời còn là một nhà khoa học, phương pháp của bà là quan sát và phát hiện “*bí mật*” trong sự trưởng thành của trẻ em. Nhờ hai phương diện trên, Montessori đã “*lập trình*” những điểm căn bản, mấu chốt của giáo dục trẻ em. Phương pháp giáo dục Montessori đặt ra những yêu cầu rất cao đối với “*giáo viên*”. Giáo viên thực hành phương pháp giáo dục Montessori phải nắm vững cả phương diện lý luận cũng như thực tiễn. Không chỉ là người điều phối hoàn hảo giữa mục đích, trình tự thực hiện và sự gợi mở trong giáo dục trẻ em, người giáo viên phải tìm hiểu ý thức nội tại, năng lực học tập cũng như hạn chế tự nhiên của từng đối tượng em nhỏ. Các vấn đề độ tuổi của trẻ nhỏ, thái độ cần có trong từng trường hợp ứng xử với các em hoặc cách gợi mở, hướng đạo phù hợp... đều cần được chú trọng nhằm mục tiêu “*giúp đỡ*” trẻ phát triển lành mạnh, đồng thời nâng cao năng lực phát triển trí tuệ.

Theo phương pháp giáo dục Montessori, trẻ thông qua giáo cụ để phát triển cả về thể lực và trí lực. Tuy

nhiên, giữa trẻ và giáo cụ có một khâu trung gian vô cùng quan trọng - đó chính là "người giáo viên". Người giáo viên có nhiệm vụ lựa chọn, hướng dẫn cách sử dụng các loại giáo cụ thích hợp cho từng hoạt động và mục đích phát triển năng lực của từng em nhỏ. Việc hướng dẫn này, một mặt, phải đáp ứng yêu cầu "dễ hiểu, trong sáng, ngắn gọn và khách quan", mặt khác, phải hết sức linh hoạt đối với từng trình độ hiểu biết của trẻ. Thêm vào đó, người giáo viên phải cẩn thận, chăm chú quan sát những biểu hiện và biến động tinh tế của nhu cầu nội tại hoặc cả những hạn chế của trẻ, luôn luôn hiểu rõ "trẻ mới là trung tâm của giáo dục". Chẳng hạn, giáo viên không thể lớn giọng ra lệnh trẻ cần làm thế này hoặc thế khác. Trong khi hướng dẫn trẻ thực hiện một loại hoạt động, người giáo viên nên ngồi xuống cùng bọn trẻ, giọng nói dịu dàng, các cử chỉ, hành động đều nên bày tỏ sự ân cần, quan tâm chăm sóc...

Các phẩm chất của người giáo viên là một tổng thể với nhiều tư cách: một nhà quan sát, một nhà trữ liệu, một người khởi phát và một người hướng đạo. Người giáo viên dựa trên những quan sát nhu cầu và ý nguyện của trẻ, thiết kế môi trường sư phạm thích hợp - cho nên, trở thành người *trữ liệu, tính toán* giáo trình, giáo cụ và tất cả điều kiện giáo dục cần thiết. Khi được tiếp xúc với môi trường và các điều kiện giáo dục phù hợp, làm thế nào để nhanh chóng nhạy bén và vận dụng tối

đa những điều kiện này cho sự phát triển, trẻ còn cần sự khởi phát và hướng đạo - và đó cũng là nhiệm vụ thuộc về người giáo viên.

Ngoài ra, để đảm bảo duy trì những tố chất trên, người giáo viên cần có tinh thần công tâm, vô tư, khi đứng trước con trẻ phải sẵn sàng vượt qua tư tưởng "luôn cho bản thân là đúng". Montessori cho rằng tư tưởng này là một cản trở lớn trong giáo dục, là điểm rất dễ tạo ra sai lầm mang tính võ đoán, cứng nhắc. Vì vậy, lời khuyên của Montessori đối với những người làm công việc giáo viên là "suốt đời phải học tập và phấn đấu", để giáo dục được con trẻ thì trước hết phải luôn luôn rèn luyện bản thân, luôn luôn "bằng tình yêu thương" để rèn luyện cách nhìn nhận, thái độ, hành vi ứng xử với con trẻ.

Có liên hệ với yêu cầu trên là "khả năng khéo léo trong cách gợi mở, hướng dẫn" của người giáo viên. Nếu là một người giữ tư tưởng "luôn cho mình là đúng" thường dẫn đến tình hình đặt cho trẻ câu hỏi và dạy cho trẻ câu trả lời theo khuôn mẫu định sẵn. Ngược lại, nếu là người nhận thức một cách minh xác tinh thần "trẻ em là trung tâm của giáo dục" thì sẽ đứng bên cạnh hướng dẫn và khuyến khích các em tự thể nghiệm, tự lĩnh hội, người thầy luôn đặt những câu hỏi mở và các em chủ động tìm tòi, khám phá ra câu trả lời bằng chính sự thông minh, trí tuệ năng động của bản thân mình.

Làm thế nào để gợi mở và hướng dẫn trẻ là một vấn đề phức tạp, trong đó nhất thiết đòi hỏi có sự tích lũy kinh nghiệm và huấn luyện chuyên môn. Bên cạnh đó, mặc dù trẻ luôn có những nội lực thúc đẩy của các nhu cầu tự thân để hướng đến các hoạt động, ham hoạt động và thích tiếp xúc môi trường nhưng vẫn rất cần tới sự hướng dẫn, giúp đỡ một cách chân tình, yêu thương và kiên trì của các giáo viên. Chỉ khi ấy, trẻ mới thực sự đạt được bước phát triển có thứ tự, tầng bậc, toàn diện cả về thể lực và trí lực.

Từ tư tưởng giáo dục của mình, Montessori đưa ra một số yêu cầu cụ thể với người giáo viên như sau:

Trước hết, phải có năng lực quan sát để hiểu được các đặc điểm của con trẻ. Montessori cho rằng "quan sát" là một phương pháp khoa học, là con đường để tìm hiểu về trẻ em. Người giáo viên chỉ cần cố gắng thực hiện nhiệm vụ của một nhà quan sát, kiên nhẫn quan sát và chờ đợi, không nên can thiệp tới trẻ em, tôn trọng mọi hành động của trẻ, để trẻ được chủ động bộc lộ những nhu cầu tự thân. Chỉ có thông qua cách thức như vậy, người giáo viên mới thực sự hiểu biết về học sinh của mình. Sự giúp đỡ của giáo viên chỉ được thực hiện khi thực sự cần thiết và thích hợp.

Thứ đến, phải có khả năng khéo léo hướng dẫn. Quan sát để hiểu con trẻ là điều quan trọng nhưng chưa phải

là điểm đến của giáo dục. Theo Montessori, nhiệm vụ hàng đầu của người làm công tác giáo dục là “*kích thích sinh mệnh*” “*để trẻ được tự do phát triển*”. Như vậy, công tác giáo dục không thể chỉ dừng ở quan sát mà thêm một bước, cần phải thực hiện gợi mở, chỉ dẫn, hướng dẫn. Phương diện này có bốn nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, không trực tiếp dạy cho con trẻ phương pháp và các quan niệm. Cũng không nên thực hiện các biện pháp như thưởng phạt trong sự dạy dỗ (bởi vì sự đánh giá từ phía ngoài sẽ làm giảm dần năng lực tự phát triển vận động của nội lực tự thân). Trách nhiệm của người giáo viên là cung cấp môi trường hoạt động và các công cụ (giáo cụ) cho mọi hoạt động của trẻ. Người giáo viên chính là “*người bảo vệ và duy trì*” môi trường giáo dục, làm cho môi trường này luôn đầy đủ, lành mạnh, có trật tự và thuận lợi cho sự phát triển của trẻ.

Thứ hai, người giáo viên là tấm gương của con trẻ. Trên mọi phương diện, cử chỉ lời nói, phong cách diện mạo, người giáo viên luôn là tấm gương để trẻ noi theo. Trẻ ban đầu vốn là “*nguồn hấp thụ*” và là “*những sản phẩm bất chước*”. Những hành vi, cử chỉ, lời nói của người giáo viên sẽ tác động dù là vô thức nhưng rất mạnh mẽ tới sự hình thành và phát triển tính cách của trẻ.

Thứ ba, căn cứ vào lứa tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ, hướng dẫn trẻ lựa chọn các “*công cụ, hoạt động*” tương ứng, sau đó hãy để trẻ tự do hoạt động và thông

qua hoạt động tự phát hiện và phát triển. Để có thể hướng dẫn trẻ lựa chọn công cụ (giáo cụ), hoạt động, người giáo viên đương nhiên phải có những hiểu biết sâu sắc về công cụ và các hoạt động này, chẳng hạn, cách sử dụng công cụ này khó hay dễ, sử dụng với nội dung giáo dục và độ tuổi đối tượng giáo dục nào là thích hợp, thời gian tiếp cận loại giáo cụ và hoạt động này cho từng lứa tuổi...

Thứ tư, một ý nghĩa nữa của “*hướng dẫn*” là phải duy trì được kỷ luật trật tự và ngăn chặn các hành vi không tốt có thể phát sinh. Mặc dù chủ trương chính là “*tự do phát triển*” nhưng trong mọi hoạt động, trường học có hai quy ước nhất thiết phải tuân theo, một là không được phép làm phiền và xâm phạm quyền lợi của người khác, hai là sử dụng các giáo cụ đúng phương pháp.

Người giáo viên phải trở thành trung tâm liên lạc giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Sở dĩ cần điều kiện này là vì gia đình và xã hội chính là môi trường xã hội của các học sinh, cũng là môi trường sinh sống và hoạt động chủ yếu của các em. Việc liên hệ này không chỉ tăng cường các nhận thức giáo dục của gia đình và xã hội mà còn làm cho sức mạnh giáo dục, trên cơ sở kết hợp giữa gia đình, xã hội và nhà trường, ngày càng trở nên mạnh mẽ.



ôm nay, con bạn nghịch nước và bạn đã ngăn được bọn trẻ bằng sự giáo huấn hoặc một hình phạt nào đó. Song cả sự giáo huấn và hình phạt cũng chẳng có nhiều tác dụng, bởi vì chỉ ngày mai, bọn trẻ vẫn tiếp tục nghịch nước. Từ thực tiễn quan sát, Montessori phát hiện ra rằng “*thưởng*” hay “*phạt*” đều không có nhiều tác dụng như người lớn chúng ta vẫn nghĩ. Trước đây, Montessori từng cho rằng chỉ cần thưởng, phạt hợp lý thì sẽ thu được hiệu quả giáo dục. Tuy nhiên, khi làm việc trong “*ngôi nhà tuổi thơ*”, bà đã phát hiện một hiện tượng sau:

Một hôm, một giáo viên trong “*ngôi nhà tuổi thơ*” đã phạt một học sinh bằng cách phải ngồi một mình với một chiếc ghế ở giữa phòng học. Cũng ngày hôm đó, giáo viên lại khen thưởng một học sinh khác, phần thưởng là một dải băng buộc đầu. Sau đó, học sinh được phần thưởng trong lúc vui chơi, để dải băng rơi xuống đất nhưng cậu bé này không quay lại nhặt. Lúc ấy, học sinh bị phạt nhìn thấy, bèn nhặt lên và nói với học sinh kia: “*Bạn có biết bạn bị rơi dải băng không?*” Học

sinh kia quay lại nói: “*Kệ tôi, tôi không cần!*”. Cậu bé bị phạt nói tiếp: “*Cậu không thích nữa à? Thế cho tôi, tôi đeo nó nhé!*”. Học sinh được thưởng đồng ý ngay. Cậu bé bị phạt đeo dải băng lên đầu và vẫn ngồi im trên ghế giữa lớp tiếp tục “*chịu phạt*”, còn cậu bé được thưởng vẫn tiếp tục trò chơi của mình. Rõ ràng là cả hai cậu bé đeo dải băng buộc đầu chỉ vì ý thích mà không từ việc nhìn nhận giá trị của một món phần thưởng.

Trẻ con rất cần động viên và khuyến khích. Đây là phương thuốc quý kích thích khả năng tự nhận thức và tự biểu hiện của bản thân trẻ. Tuy nhiên, “*treo giải thưởng*” thì không hoàn toàn có tác dụng động viên khuyến khích. Ngược lại, việc này ảnh hưởng tới nhận thức của trẻ về giá trị, thậm chí dẫn đến tâm lý “*có thưởng mới làm*”.

Nếu chỉ dựa vào thưởng, phạt để động viên hoặc ngăn cấm trẻ hoạt động thì hoạt động của trẻ đã không còn xuất phát từ sự “*tự không chế, tự điều tiết*” bản thân. Trẻ không những mất đi tinh thần chủ động mà còn hình thành dần tâm lý thiếu tự tin, thiếu niềm tin với mọi công việc. Việc “*thưởng phạt*” thực chất chỉ là sự “*áp đặt*” chủ quan của người lớn đối với trẻ con, cản trở trẻ chủ động lựa chọn và linh hoạt hành động trong

đời sống. Liệu gia đình bạn có tồn tại hiện tượng muốn con làm việc này, cha mẹ phải “hứa” đáp ứng một điều kiện nào đó, chẳng hạn, mua một món đồ chơi, hoặc một chuyến đi chơi...?

Thật ra, trẻ không cần đến thưởng hay phạt. Chúng ta đều hiểu rằng chỉ có niềm vui xuất phát từ nhu cầu tự thân mới là niềm vui thực sự. Những chế ước từ bên ngoài (chẳng hạn, làm tốt sẽ được thưởng, làm không tốt thì bị phạt) không thể đưa đến những hiệu quả giáo dục chân chính, những đáp ứng thực sự đối với nhu cầu tự thân của mỗi em nhỏ!



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

Địa chỉ: 58 - 60 Trần Phú - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 84 4 8231135 - Phát hành: 080 48457 - Biên tập: 080 46864
Fax: 84 4 7340981 - Email: nxbtp@moj.gov.vn - Website: <http://nxbtp.moj.gov.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN ĐỨC GIAO

Biên tập
NGUYỄN THỊ TỔ HÀNG
NGÔ THUYẾT THU

Biên tập mỹ thuật
ĐẶNG VINH QUANG

Trình bày
ĐỖ NGỌC ÁNH

Sửa bản in
QUÁCH THỊ MINH PHƯỢNG

In 800 cuốn, khổ 13x19cm, tại Công ty In & Văn hóa phẩm. Kế hoạch xuất bản số: 516-2006/CXB/31-79/NXBTP được Cục Xuất bản xác nhận đăng ký ngày 03/7/2006. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2007.